

Số: VT1548/26-YTE-TTH /KH/TM

THỎA THUẬN
“СОГЛАСОВАНО”
Phó Giám đốc TTYT
Зам.директора ЦМО

Signed by: Phạm Văn Bảy
Date: 08/05/2026 18:10:10
Certified by: Vietsovpetro CA

Phạm Văn Bảy

THỎA THUẬN
“СОГЛАСОВАНО”
Phó Giám đốc TTYT
Зам.директора ЦМО

Signed by: Trịnh Văn Đạo
Date: 08/05/2026 17:01:21
Certified by: Vietsovpetro CA

Trịnh Văn Đạo

PHÊ DUYỆT
“УТВЕРЖДАЮ”
Giám đốc TTYT
Директора ЦМО

Signed by: Nguyễn Văn Hiệp
Date: 09/05/2026 15:07:35
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Văn Hiệp

HỒ SƠ MỜI THẦU

Документы приглашения на тендер

- Số hiệu gói thầu/ *№ тендерного пакета*: **90.TTYT-0052/26-TVТ**
- Tên gói thầu: **Mua vật tư y tế tiêu hao dùng chung đợt 1 năm 2026**
На приобретение товара: Закупка расходных материалов для общего использования на 1-й этап в 2026г.
- Đơn hàng số/ *Заявка №*: **VT1548/26-YTE-TTH** Ngày/ *от*: 22.04.2026г
- + Tên dự án/ *Kế hoạch mua sắm/ Проект/ План приобретения*: Kế hoạch mua sắm VTTB của LD Việt Nga Vietsovpetro năm 2026
(Theo Ủy quyền số 121 /UQ-PL, ngày 06/01/2026 của Tổng giám đốc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro)

I. DANH MỤC HSMT/ *ПЕРЕЧЕНЬ ДОКУМЕНТОВ ПРИГЛАШЕНИЯ НА ТЕНДЕР*:

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

II. DANH MỤC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐÍNH KÈM/ ПЕРЕЧЕНЬ СВЯЗАННЫХ ПРИЛОЖЕННЫХ ДОКУМЕНТОВ:

1. Đơn hàng số/ Заявка №. VT1548/26-YTE-TTH; Ngày/ от 22.04.2026г.
2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu số/ План выбора подрядчика №. VT1548/26-YTE-TTH /KH/TM đã được phê duyệt.

Tổ chuyên gia/ Рабочая группа экспертов:

Tổ trưởng Tổ chuyên gia/ Руководитель рабочей группы экспертов

Trưởng Phòng NS-KT-TM / Начальник отдела ВП-Э-К: Nguyễn Thị Thu Hương
Signed by: Nguyễn Thị Thu Hương

Date: 08/05/2026 14:40:46

Certified by: Vietsovetro CA

Tổ phó Tổ chuyên gia phụ trách kỹ thuật/ Зам. Руководителя рабочей группы экспертов по тех.вопросам

Signed by: Nguyễn Đức Cường

Trưởng khoa Khám bệnh:

Date: 08/05/2026 15:29:59

Nguyễn Đức Cường

Certified by: Vietsovetro CA

Заведующий отделом профилактической медицины – инфекционного контроля.

Các thành viên Tổ chuyên gia/ Члены рабочей группы экспертов

Chánh Kế Toán:	Signed by: Phùng Huy Dũng Date: 08/05/2026 14:37:39 Certified by: Vietsovetro CA	Phùng Huy Dũng
Trưởng khoa CC-TNT:	Signed by: Nguyễn Quốc Bảo Date: 08/05/2026 15:35:43 Certified by: Vietsovetro CA	Nguyễn Quốc Bảo
Trưởng khoa CDHA-XNS:	Signed by: Lê Chung Date: 08/05/2026 14:52:38 Certified by: Vietsovetro CA	Lê Chung
Trưởng khoa ĐY-PHCN-OXCA:	Signed by: Đặng Việt Phương Date: 08/05/2026 14:20:19 Certified by: Vietsovetro CA	Đặng Việt Phương
Trưởng khoa YTB:	Signed by: Phan Tất Thắng Date: 08/05/2026 14:35:41 Certified by: Vietsovetro CA	Phan Tất Thắng
Trưởng khoa LCK:	Signed by: Trần Thị Thanh Thủy Date: 08/05/2026 16:35:44 Certified by: Vietsovetro CA	Trần Thị Thanh Thủy
Trưởng nhóm VTTB:	Signed by: Vũ Đức Hải Date: 08/05/2026 07:52:45 Certified by: Vietsovetro CA	Vũ Đức Hải
KS. Vật tư:	Signed by: Trần Tiến Hùng Date: 08/05/2026 07:38:52 Certified by: Vietsovetro CA	Trần Tiến Hùng
Kỹ sư:	Signed by: Nguyễn Thị Loan Date: 08/05/2026 14:18:39 Certified by: Vietsovetro CA	Nguyễn Thị Loan
Kỹ sư KT:	Signed by: Lê Thị Kim Long Date: 07/05/2026 17:05:49 Certified by: Vietsovetro CA	Lê Thị Kim Long

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

90.TTYT-0052/26-TVT

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

**Mua vật tư y tế tiêu hao dùng chung
đợt 1 năm 2026**

Dự án (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hoá (nếu có) được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

- Danh mục/Phạm vi cung cấp.
- Yêu cầu kỹ thuật (kèm theo Hồ sơ Thiết kế, bản vẽ,...(nếu có)).
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật/ Bảng điểm đánh giá kỹ thuật.
- Các tài liệu kỹ thuật khác, đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hoá theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSMT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ;</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu;</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản</p>

	<p>trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:</p> <p>a) Nội dung Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>f) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Quy chế số VSP-000-TM-238.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu:</p> <p>Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p>

	<p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Chủ đầu tư;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và e Mục 5.1 E-CDNT.</p> <p>5.3 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <p>Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.</p> <p>Phần 4. Các phụ lục</p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn</p>

	bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời gian tối đa theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.8 Song song với việc làm rõ/ trả lời làm rõ trên Hệ thống, Bên mời thầu/Nhà thầu có thể gửi văn bản bằng đường văn thư/ fax/ email trực tiếp để biết thông tin và chuẩn bị kịp thời hồ sơ tài liệu liên quan.</p>
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT (catalogue...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:

	<p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6 Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
13. Giá dự thầu và giảm giá	<p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá). Nhà thầu sẽ điền giá dự thầu vào đơn dự thầu trên webform của hệ thống.</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hoá”, “Mô tả dịch vụ” theo Mẫu số 12.1 hoặc 12.2, Mẫu số 13 Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có</p>

	<p>đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan	<p>15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của E-HSĐT.</p> <p>15.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng và trang thiết bị y tế dùng cho các cơ sở y tế.</p> <p>15.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu.</p> <p>15.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm¹, lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ....</p> <p>15.5. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V.</p> <p>15.6. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>15.7. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalogue do Chủ đầu tư quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalogue khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.</p>
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT và để Chủ đầu tư lưu trữ.

¹ Bảo hiểm cho các hạng mục dịch vụ liên quan, ví dụ: bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa...

	<p>16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện theo E-BDL.</p>
<p>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (áp dụng trong trường hợp đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro) và đính kèm khi nộp E-HSDT. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.</p> <p>18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại E-BDL.</p>

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh (*đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:

a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT, nhà thầu có văn bản rút E-HSMT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ-Mục 33 E-CDNT;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu hoặc đưa ra những điều kiện khác với các nội dung trong E-HSMT hoặc rút lại các cam kết trong E-HSMT dẫn đến thương thảo Hợp đồng không thành công, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.

	<p>18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;</p> <p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.</p> <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p> <p>18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu là nếu được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này. (áp dụng chỉ thị số 9448/25-BC-PMT/BMĐH ngày 25/07/2025)</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội</p>

	<p>dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). <p>c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu), đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ E-HSĐT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSĐT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSĐT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSĐT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSĐT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSĐT của nhà thầu theo E-HSĐT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSĐT.</p>

	<p>23.4. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong một khoảng thời gian quy định tại BDL. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá E-HSDT:</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSMT đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT đó nhằm làm cho E-HSDT đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p>

	<p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan.</p> <p>27.2. Yêu cầu về nhà thầu phụ nêu tại E-BDL.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc.</p> <p>27.5 Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p>
<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>28.1. Nguyên tắc ưu đãi: Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên.</p> <p>28.2. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng E-HSDT:</p> <p>Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên trong giá hàng hóa. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa được tính theo công thức sau đây:</p> $D (\%) = G^*/G (\%)$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - G*: Chi phí sản xuất trong nước được tính bằng giá chào của hàng hóa trong E-HSDT trừ đi giá trị thuế và các chi phí nhập ngoại bao gồm cả phí, lệ phí (nếu có); hoặc được tính bằng tổng các chi phí sản xuất trong nước; - G: Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT trừ đi giá trị thuế; - D: Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. <p>28.3. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.4. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo</p>

	<p>Mẫu số 15A, 15B và 15C Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.5. Trường hợp hàng hoá do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.6 Trường hợp nếu các Hồ sơ dự thầu xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho Hồ sơ dự thầu có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa xuất xứ từ CHXHCN Việt Nam và Liên Bang Nga. - Dịch vụ/Công việc mà sử dụng người lao động từ CHXHCN Việt Nam và Liên Bang Nga.
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp.</p> <p>29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “giá đánh giá” và “giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trong E-HSDT. - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm để đánh giá. - Đối với nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III và thực hiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường</p>

	<p>hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu mà không phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào).</p> <p>a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu, nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất căn cứ vào biên bản mở thầu trên Hệ thống. Trường hợp có nhiều nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất bằng nhau thì tiến hành đánh giá tất cả các nhà thầu này.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu.</p> <p>Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.</p> <p>29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:</p> <p>a) Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;</p> <p>b) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4.4 E-CDNT và bị xử lý theo quy định.</p> <p>c) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform (nếu có) là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>d) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin trong biểu mẫu về ưu đãi hàng hóa sản xuất trong nước (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa) để làm cơ sở tính toán ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi;</p> <p>e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai</p>

	<p>trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;</p> <p>b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất);</p> <p>c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p>
<p>31. Thương thảo hợp đồng</p>	<p>31.1. Việc thương thảo hợp đồng thực hiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>31.2. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;</p> <p>b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>31.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu;</p> <p>31.4. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 29 E-CDNT;</p> <p>d) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p>

	<p>31.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).</p> <p>31.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ thực hiện.</p> <p>31.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT.</p> <p>31.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p>32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>32.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>32.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>32.4 Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>32.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>32.6. Có giá đề nghị trúng thầu của từng MỤC hàng hóa (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<p>33. Hủy thầu</p>	<p>33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong E-HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm</p>

	<p>quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33.1 E-CDNT.</p>
<p>34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSĐT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>c) Đối với mỗi chủng loại hàng hóa, thiết bị trong gói thầu, Chủ đầu tư phải đăng tải các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên hàng hóa; - Công suất; - Tính năng, thông số kỹ thuật; ký, mã hiệu, nhãn mác; - Xuất xứ; - Đơn giá trúng thầu. <p>d) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>35. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ</p>	<p>35.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSĐT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>35.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng hàng hóa/dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL.</p>

<p>36. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>37. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>37.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>37.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu).</p> <p>37.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p>38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 3. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
<p>39. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
<p>40. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Liên doanh Việt Nga Vietsovetro
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Mua vật tư y tế tiêu hao dùng chung đợt 1 năm 2026 Tên dự án/dự toán mua sắm: Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này.
E-CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): mua sắm VTTB, thuê dịch vụ TTYT (ver 2)
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Liên doanh Việt Nga Vietsovetro, địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, TP. HCM, trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế kỹ thuật tổng thể: Không áp dụng; + Tư vấn thẩm định giá: Không áp dụng; + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: Không áp dụng; + Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT: Không áp dụng; + Tư vấn đánh giá E-HSDT: Không áp dụng; + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không áp dụng; + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: Không áp dụng; <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)*.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị sự nghiệp công lập và chủ đầu tư, bên mời thầu có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu. - Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu. <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$

	<p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>*Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp"</p>
E-CDNT 7.1	Việc sửa đổi E-HSMT trong thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.2	<p>Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ E-HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>Bên mời thầu thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không áp dụng ;
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSMT: Nhà thầu nộp phí cho Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.
E-CDNT 10.1-10.7	Tất cả các tài liệu từ mục 10.1-10.7 phải được Nhà thầu scan theo định dạng “.pdf”, upload và nộp cùng E-HSMT tại phần đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
E-CDNT 10.8	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSMT các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo lãnh dự thầu. - Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất - Thỏa thuận liên danh (nếu có) - Hợp đồng tương tự. - Bảng chào hàng thương mại - Bảng chào hàng kỹ thuật. - Các tài liệu khác theo YCKT kèm theo. <p>Tất cả các tài liệu nộp kèm nêu trên phải được Nhà thầu scan theo định dạng “.pdf”, upload và nộp cùng E-HSMT tại phần đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 13.5	<p>Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải chào giá hàng hóa theo điều kiện giao hàng tại kho TTYT-VIETSOVPETRO, trong đó bao gồm giá hàng hóa, chi phí kiểm tra, đóng gói hàng hóa, chi phí cần thiết để có các loại chứng chỉ theo yêu cầu, chi phí thử nghiệm tại nhà máy sản xuất, chi phí vận chuyển đến kho TTYT-VIETSOVPETRO, phí bảo hiểm hàng hóa v.v. - Trong bảng chào giá phải liệt kê đầy đủ tất cả các loại thuế và phí theo quy định của pháp luật để đảm bảo thực hiện gói thầu. Các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. <p>Đối với Lô 09-1: Thuế GTGT và thuế nhập khẩu của giá trị hàng hóa nhập khẩu trên Tờ Khai Hải Quan được miễn theo Hiệp định liên Chính phủ.</p>

	<p><i>Đối với các Lô khác (ngoài Lô 09-1): Được xét miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu mà trong nước chưa sản xuất được theo Danh mục hàng hóa miễn thuế của Lô.....</i></p> <p><i>- Chào đầy đủ tất cả các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu.</i></p>																																																																											
E-CDNT 15.6	Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): Không yêu cầu																																																																											
E-CDNT 16.2	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: - Cung cấp bản cam kết về chất lượng sản phẩm có xác nhận của nhà cung cấp (Bản gốc) - Cung cấp Giấy bảo hành của Nhà cung cấp (Bản gốc)” theo YCKT tại Chương V 																																																																											
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 120 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.																																																																											
E-CDNT 18.1	Thẻ thức bảo lãnh dự thầu: Bằng văn bản giấy.																																																																											
E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 150 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. - Giá trị bảo đảm dự thầu cho toàn bộ gói thầu: 12.954.555 VND.(Bằng chữ: Mười hai triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng chẵn) - Trường hợp nhà thầu chào thầu theo từng nhóm hàng của gói thầu, giá trị của bảo đảm dự thầu tương ứng với từng nhóm hàng cụ thể như sau: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 5%;">STT</th> <th style="width: 70%;">Tên hàng hóa</th> <th style="width: 25%;">Số tiền bảo lãnh dự thầu (VND)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3">Nhóm 1. Dung dịch sát khuẩn</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Nước Javel 11%</td> <td>24.786</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Dung dịch rửa dụng cụ sử dụng cho máy rửa khử khuẩn Belimed</td> <td>620.460</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Dung dịch khử khuẩn dụng cụ</td> <td>1.616.760</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Dung dịch tẩy rửa dụng cụ</td> <td>745.200</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Viên nén khử khuẩn</td> <td>102.604</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Dung dịch rửa tay nhanh</td> <td>41.213</td> </tr> <tr> <td colspan="3">Nhóm 2. Băng, băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Bông vuông tiệt trùng</td> <td>84.240</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>Bông y tế 25g</td> <td>34.020</td> </tr> <tr> <td>9</td> <td>Bông cuộn không thấm nước y tế 1kg</td> <td>19.440</td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>Băng cuộn hữu trùng 7cmx 5m</td> <td>12.960</td> </tr> <tr> <td>11</td> <td>Băng cuộn hữu trùng 10cm x 5m</td> <td>32.805</td> </tr> <tr> <td>12</td> <td>Băng cuộn hữu trùng 14cmx7m</td> <td>82.782</td> </tr> <tr> <td>13</td> <td>Băng dính lụa cuộn 1.25cm x 5m</td> <td>28.836</td> </tr> <tr> <td>14</td> <td>Băng dính lụa cuộn 5cm x 5m</td> <td>29.597</td> </tr> <tr> <td>15</td> <td>Băng keo vải cá nhân</td> <td>539.343</td> </tr> <tr> <td>16</td> <td>Băng thun 10cm x 4,5m</td> <td>65.610</td> </tr> <tr> <td>17</td> <td>Băng thun có keo cố định khớp 8cm x 4.5m</td> <td>21.060</td> </tr> <tr> <td>18</td> <td>Băng keo cuộn co giãn15cmx10m</td> <td>455.674</td> </tr> <tr> <td>19</td> <td>Gạc lưới 10cmx10cm</td> <td>256.608</td> </tr> <tr> <td>20</td> <td>Gạc bông đắp vết thương tiệt trùng 7cmx10cm</td> <td>132.192</td> </tr> <tr> <td>21</td> <td>Gạc y tế 10x10cm</td> <td>41.010</td> </tr> <tr> <td>22</td> <td>Gạc y tế 5 x 6,5cm</td> <td>67.068</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Tên hàng hóa	Số tiền bảo lãnh dự thầu (VND)	Nhóm 1. Dung dịch sát khuẩn			1	Nước Javel 11%	24.786	2	Dung dịch rửa dụng cụ sử dụng cho máy rửa khử khuẩn Belimed	620.460	3	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	1.616.760	4	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	745.200	5	Viên nén khử khuẩn	102.604	6	Dung dịch rửa tay nhanh	41.213	Nhóm 2. Băng, băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương			7	Bông vuông tiệt trùng	84.240	8	Bông y tế 25g	34.020	9	Bông cuộn không thấm nước y tế 1kg	19.440	10	Băng cuộn hữu trùng 7cmx 5m	12.960	11	Băng cuộn hữu trùng 10cm x 5m	32.805	12	Băng cuộn hữu trùng 14cmx7m	82.782	13	Băng dính lụa cuộn 1.25cm x 5m	28.836	14	Băng dính lụa cuộn 5cm x 5m	29.597	15	Băng keo vải cá nhân	539.343	16	Băng thun 10cm x 4,5m	65.610	17	Băng thun có keo cố định khớp 8cm x 4.5m	21.060	18	Băng keo cuộn co giãn15cmx10m	455.674	19	Gạc lưới 10cmx10cm	256.608	20	Gạc bông đắp vết thương tiệt trùng 7cmx10cm	132.192	21	Gạc y tế 10x10cm	41.010	22	Gạc y tế 5 x 6,5cm	67.068
STT	Tên hàng hóa	Số tiền bảo lãnh dự thầu (VND)																																																																										
Nhóm 1. Dung dịch sát khuẩn																																																																												
1	Nước Javel 11%	24.786																																																																										
2	Dung dịch rửa dụng cụ sử dụng cho máy rửa khử khuẩn Belimed	620.460																																																																										
3	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	1.616.760																																																																										
4	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	745.200																																																																										
5	Viên nén khử khuẩn	102.604																																																																										
6	Dung dịch rửa tay nhanh	41.213																																																																										
Nhóm 2. Băng, băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương																																																																												
7	Bông vuông tiệt trùng	84.240																																																																										
8	Bông y tế 25g	34.020																																																																										
9	Bông cuộn không thấm nước y tế 1kg	19.440																																																																										
10	Băng cuộn hữu trùng 7cmx 5m	12.960																																																																										
11	Băng cuộn hữu trùng 10cm x 5m	32.805																																																																										
12	Băng cuộn hữu trùng 14cmx7m	82.782																																																																										
13	Băng dính lụa cuộn 1.25cm x 5m	28.836																																																																										
14	Băng dính lụa cuộn 5cm x 5m	29.597																																																																										
15	Băng keo vải cá nhân	539.343																																																																										
16	Băng thun 10cm x 4,5m	65.610																																																																										
17	Băng thun có keo cố định khớp 8cm x 4.5m	21.060																																																																										
18	Băng keo cuộn co giãn15cmx10m	455.674																																																																										
19	Gạc lưới 10cmx10cm	256.608																																																																										
20	Gạc bông đắp vết thương tiệt trùng 7cmx10cm	132.192																																																																										
21	Gạc y tế 10x10cm	41.010																																																																										
22	Gạc y tế 5 x 6,5cm	67.068																																																																										

Nhóm 3. Bơm tiêm, kim tiêm		
23	Bơm Karman 1 van	23.328
24	Bơm tiêm 1ml	198.725
25	Bơm tiêm 3ml	244.944
26	Bơm tiêm 10 ml	36.547
27	Bơm tiêm nhựa 50 ml	20.636
28	Kim cánh bướm G23	52.666
29	Kim lấy thuốc số 18	4.860
30	Kim luân tĩnh mạch an toàn G22	280.260
31	Kim luân tĩnh mạch an toàn G24	44.131
32	Kim tiêm vô trùng 22G	1.011
Nhóm 4. Kim châm cứu		
33	Kim châm cứu số 3	21.060
34	Kim châm cứu số 4	126.360
35	Kim châm cứu số 5	42.120
36	Kim cây chỉ (Ø0.8x63mm)	58.320
Nhóm 5. Dây truyền, dây dẫn		
37	Khóa 3 ngã có dây dài 5cm (truyền dịch)	77.760
38	Mask oxy nồng độ cao có túi người lớn	22.680
39	Mask oxy nồng độ cao có túi trẻ em	21.060
Nhóm 6. Túi, lọ và vật tư bao gói khác		
40	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 75mm x 200m	21.060
41	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 150mm x 200m	17.673
42	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 150mm x 100m	88.776
43	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 250mmx100m	76.582
44	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 300mmx100m	97.200
45	Giấy đóng gói thuốc cuộn	85.050
46	Hộp nhựa đựng bơm tiêm thái 1,5lít	16.135
47	Hộp nhựa đựng bơm tiêm thái 6,8 lít	39.528
Nhóm 7. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter		
48	Ống Nội khí quản có bóng số 7	2.430
49	Ống Nội khí quản có bóng số 7.5	1.620
50	Ống Nội khí quản có bóng số 8	1.620
51	Ống thổi dùng cho máy đo nồng độ cồn ALP-1	21.060
52	Thông tiêu NELATON	4.536
Nhóm 8. Chỉ khâu		
53	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bện 4/0	68.040
54	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bện 3/0	65.772
55	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đơn sợi tự tiêu nhanh 3/0	38.637
56	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 2.0 liên kim tam giác	44.323
57	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 3.0 liên kim tam giác	76.205
58	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 4.0 liên kim tam giác	73.872
Nhóm 9: Dao, kéo và panh phẫu thuật		
59	Cán dao số 3	21.384
60	Chén Inox	5.897
61	Hộp Inox đựng bông (7,5x6cm)	5.832
62	Hộp inox đựng dụng cụ tiểu phẫu	10.433
63	Kéo cắt băng 18cm	24.300
64	Kéo thẳng nhọn 16cm	20.088
65	Kéo thẳng tù 16cm	7.031
66	Khay quả đậu Trung	9.072
67	Kim Kelly 16cm cong	4.366
68	Kim Kocher có mẫu 16cm	3.888
69	Lưỡi dao mổ (số 10)	51.840

	70	Lưỡi dao mổ (số 11)	14.904
	Nhóm 10. Lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp		
	71	Lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp	2.306.880
	Nhóm 11. Chấn thương, chỉnh hình		
	72	Băng bột bó xương 10cm x 2.7m	13.219
	73	Nẹp chống cổ cao - cứng (Đai cổ cứng)	13.349
	74	Nẹp nhựa chống xoay cổ chân phải	14.580
	75	Nẹp nhựa chống xoay cổ chân trái	14.580
	76	Nẹp vải căng tay phải	9.558
	77	Nẹp vải căng tay trái	9.072
	Nhóm 12. Chẩn đoán chức năng		
	78	Thông lọng cắt polyp độ mở 25mm	93.227
	79	Thông lọng cắt polyp độ mở 20mm	93.227
	80	Thông lọng cắt polyp độ mở 15mm	93.227
	81	Thông lọng cắt polyp độ mở 10mm	93.227
	82	Dụng cụ thắt polyp sử dụng một lần	132.225
	83	Chổi làm sạch kênh nội soi dùng một lần (Chổi dài)	126.390
	85	Ổng bơm rửa kênh nội soi	86.070
	84	Van khí/nước nội soi	94.320
	86	Clotest	72.576
	Nhóm 13. Chẩn đoán hình ảnh		
	87	Gel siêu âm	108.864
	88	Giấy in siêu âm đen trắng SONY 11cm	421.200
	Nhóm 14. Xét nghiệm		
	89	Que thử đường huyết	291.600
	90	Formol	48.001
	91	Que test thử thai nhanh	34.020
	Nhóm 15. Kiểm soát nhiễm khuẩn		
	92	Bowie dick (Test thử lò hấp)	43.043
	Nhóm 16. Điện tim		
	93	Giấy điện tim 1 cân 50mm x 30m	3.564
	94	Giấy đo điện tim cho Máy ECG-1250K	149.688
	95	Quả bóp cao su cho máy điện tim	46.656
	96	Gel đo điện tim ECG	2.511
	Nhóm 17. Đồ vải		
	97	Garô tay	1.701
	98	Săng mổ 50x50 cm, KHÔNG LỖ	8.178
	Nhóm 18. Vật tư dùng chung		
	99	Khâu trang y tế 4 lớp	265.356
	100	Găng phẫu thuật tiết trùng số 6.5	16.232
	101	Găng phẫu thuật tiết trùng 7,5	33.826
	102	Găng y tế cô tay dài	816.480
	Nhóm 19. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác		
	103	Bao cao su	12.830
	104	Nhiệt kế thủy ngân	10.886
	105	Vòng tránh thai	24.300
	Tổng cộng		12.954.555
	- Nội dung ghi rõ: TTYT - Bảo đảm dự thầu cho gói thầu “Mua vật tư y tế tiêu hao dùng chung đợt 1 năm 2026”		
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tòa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.		
CDNT 23.4	Nhà thầu được tự gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng 05 ngày lịch, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu		

E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: Không được sử dụng
E-CDNT 28.3	Cách tính ưu đãi: Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng
E-CDNT 28.6	Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng.
E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: - Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 29.3(d)	Cách thức thực hiện: Việc so sánh, xếp hạng HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu của từng HẠNG MỤC hàng hóa bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có).
E-CDNT 29.3(đ)	Xếp hạng nhà thầu: <i>Phương pháp đánh giá tại Mục 29.1 E-BDL như sau:</i> Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất từng HẠNG MỤC hàng hóa được xếp hạng thứ nhất;
E-CDNT 30	Thương thảo hợp đồng: Không áp dụng
E-CDNT 31.4	<i>Phương pháp đánh giá tại Mục 29.1 E-BDL như sau:</i> nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất
E-CDNT 35.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: <i>Áp dụng</i> Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: <i>Không áp dụng</i>
E-CDNT 35.2	- Tùy chọn mua thêm: Có áp dụng - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 30% cho từng hạng mục
E-CDNT 38.2	- Người có thẩm quyền: NGUYỄN VĂN HIỆP –Giám đốc Trung tâm Y tế thuộc Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro, + Địa chỉ: số 02 Pasteur, Phường Tam Thắng, TP. HCM. + Email: hiepnv.mc@vietsov.com.vn - Bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: + Địa chỉ: số 02 Pasteur, Phường Tam Thắng, TP. HCM.. + Email: thanhnh.gm@vietsov.com.vn
E-CDNT 39	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Ông NGUYỄN VĂN HIỆP – Quyền Giám đốc Trung tâm Y tế thuộc Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro, địa chỉ: số 02 Pasteur, Phường Tam Thắng, TP. HCM.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và (đã mặc định trong đơn dự thầu xuất từ hệ thống) phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.
 - Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầukhông có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính đối với phần mà nhà thầu tham dự thầu.
Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT.
 - Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.
 - Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B, Mẫu số 4C Chương IV).
 - Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá.
 - Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) (Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền) và phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 hoặc 12.2 hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) và được scan đính kèm trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo tỷ giá bán ra* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp									
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh											
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh										
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07									
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu									
3	Năng lực tài chính														
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08									
3.2	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 1.199.845.599 ⁽⁷⁾ VND. (Trong trường hợp nhà thầu tham gia toàn bộ gói thầu). Trong trường hợp nhà thầu tham gia chào từng nhóm hàng thì doanh thu bình quân hàng năm được tính như sau:	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08									
		<table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Danh mục hàng hóa</th> <th>Doanh thu bình quân cho từng nhóm hàng hóa (VND)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3">Nhóm 1. Dung dịch sát khuẩn</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Nước Javel 11%</td> <td>2.295.000</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Danh mục hàng hóa	Doanh thu bình quân cho từng nhóm hàng hóa (VND)	Nhóm 1. Dung dịch sát khuẩn			1	Nước Javel 11%	2.295.000				
STT	Danh mục hàng hóa	Doanh thu bình quân cho từng nhóm hàng hóa (VND)													
Nhóm 1. Dung dịch sát khuẩn															
1	Nước Javel 11%	2.295.000													

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm					Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu			Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
						Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		2	Dung dịch rửa dụng cụ sử dụng cho máy rửa khử khuẩn Belimed	57.450.000				
		3	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	149.700.000				
		4	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	69.000.000				
		5	Viên nén khử khuẩn	9.500.400				
		6	Dung dịch rửa tay nhanh	3.816.000				
		Nhóm 2. Băng, băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương						
		7	Bông vuông tiệt trùng	7.800.000				
		8	Bông y tế 25g	3.150.000				
		9	Bông cuộn không thấm nước y tế 1kg	1.800.000				
		10	Băng cuộn hữu trùng 7cmx 5m	1.200.000				
		11	Băng cuộn hữu trùng 10cm x 5m	3.037.500				
		12	Băng cuộn hữu trùng 14cmx7m	7.665.000				
		13	Băng dính lụa cuộn 1.25cm x 5m	2.670.000				
		14	Băng dính lụa cuộn 5cm x 5m	2.740.500				
		15	Băng keo vải cá nhân	49.939.200				
		16	Băng thun 10cm x 4,5m	6.075.000				
		17	Băng thun có keo cố định khớp 8cm x 4.5m	1.950.000				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm					Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu			Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
						Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		18	Băng keo cuộn co giãn 15cmx10m	42.192.000				
		19	Gạc lưới 10cmx10cm	23.760.000				
		20	Gạc bông đắp vết thương tiết trùng 7cmx10cm	12.240.000				
		21	Gạc y tế 10x10cm	3.797.250				
		22	Gạc y tế 5 x 6,5cm	6.210.000				
Nhóm 3. Bơm tiêm, kim tiêm								
		23	Bơm Karman 1 van	2.160.000				
		24	Bơm tiêm 1ml	18.400.500				
		25	Bơm tiêm 3ml	22.680.000				
		26	Bơm tiêm 10 ml	3.384.000				
		27	Bơm tiêm nhựa 50 ml	1.910.700				
		28	Kim cánh bướm G23	4.876.500				
		29	Kim lấy thuốc số 18	450.000				
		30	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G22	25.950.000				
		31	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G24	4.086.225				
		32	Kim tiêm vô trùng 22G	93.600				
Nhóm 4. Kim châm cứu								
		33	Kim châm cứu số 3	1.950.000				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm					Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu			Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
						Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		34	Kim châm cứu số 4	11.700.000				
		35	Kim châm cứu số 5	3.900.000				
		36	Kim cây chỉ (Ø0.8x63mm)	5.400.000				
		Nhóm 5. Dây truyền, dây dẫn						
		37	Khóa 3 ngã có dây dài 5cm (truyền dịch)	7.200.000				
		38	Mask oxy nồng độ cao có túi người lớn	2.100.000				
		39	Mask oxy nồng độ cao có túi trẻ em	1.950.000				
		Nhóm 6. Túi, lọ và vật tư bao gói khác						
		40	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 75mm x 200m	1.950.000				
		41	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 150mm x 200m	1.636.365				
		42	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 150mm x 100m	8.220.000				
		43	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 250mmx100m	7.090.908				
		44	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 300mmx100m	9.000.000				
		45	Giấy đóng gói thuốc cuộn	7.875.000				
		46	Hộp nhựa đựng bơm tiêm thải 1,5lít	1.494.000				
		47	Hộp nhựa đựng bơm tiêm thải 6,8 lít	3.660.000				
		Nhóm 7. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter						

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm					Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu			Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
						Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		48	Ống Nội khí quản có bóng số 7	225.000				
		49	Ống Nội khí quản có bóng số 7.5	150.000				
		50	Ống Nội khí quản có bóng số 8	150.000				
		51	Ống thổi dùng cho máy đo nồng độ cồn ALP-1	1.950.000				
		52	Thông tiêu NELATON	420.000				
Nhóm 8. Chỉ khâu								
		53	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bện 4/0	6.300.000				
		54	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bện 3/0	6.090.000				
		55	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đơn sợi tự tiêu nhanh 3/0	3.577.500				
		56	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 2.0 liên kim tam giác	4.104.000				
		57	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 3.0 liên kim tam giác	7.056.000				
		58	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 4.0 liên kim tam giác	6.840.000				
Nhóm 9: Dao, kéo và panh phẫu thuật								
		59	Cán dao số 3	1.980.000				
		60	Chén Inox	546.000				
		61	Hộp Inox đựng bông (7,5x6cm)	540.000				
		62	Hộp inox đựng dụng cụ tiêu phẫu	966.000				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm					Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu			Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
						Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		63	Kéo cắt băng 18cm	2.250.000				
		64	Kéo thẳng nhọn 16cm	1.860.000				
		65	Kéo thẳng tù 16cm	651.000				
		66	Khay quả đậu Trung	840.000				
		67	Kim Kelly 16cm cong	404.280				
		68	Kim Kocher có mẫu 16cm	360.000				
		69	Lưỡi dao mổ (số 10)	4.800.000				
		70	Lưỡi dao mổ (số 11)	1.380.000				
		Nhóm 10. Lọc khuôn cho máy đo chức năng hô hấp						
		71	Lọc khuôn cho máy đo chức năng hô hấp	213.600.000				
		Nhóm 11. Chấn thương, chỉnh hình						
		72	Băng bột bó xương 10cm x 2.7m	1.224.000				
		73	Nẹp chống cổ cao - cứng (Đai cổ cứng)	1.236.000				
		74	Nẹp nhựa chống xoay cổ chân phải	1.350.000				
		75	Nẹp nhựa chống xoay cổ chân trái	1.350.000				
		76	Nẹp vải căng tay phải	885.000				
		77	Nẹp vải căng tay trái	840.000				
		Nhóm 12. Chẩn đoán chức năng						

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm					Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu			Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
						Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		78	Thùng lọng cắt polyp độ mở 25mm	8.632.140				
		79	Thùng lọng cắt polyp độ mở 20mm	8.632.140				
		80	Thùng lọng cắt polyp độ mở 15mm	8.632.140				
		81	Thùng lọng cắt polyp độ mở 10mm	8.632.140				
		82	Dụng cụ thắt polyp sử dụng một lần	12.592.860				
		83	Chổi làm sạch kênh nội soi dùng một lần (Chổi dài)	11.702.775				
		85	Ổng bơm rửa kênh nội soi	7.969.443				
		84	Van khí/nước nội soi	8.733.333				
		86	Clotest	6.720.000				
		Nhóm 13. Chẩn đoán hình ảnh						
		87	Gel siêu âm	10.080.000				
		88	Giấy in siêu âm đen trắng SONY 11cm	39.000.000				
		Nhóm 14. Xét nghiệm						
		89	Que thử đường huyết	27.000.000				
		90	Formol	4.444.500				
		91	Que test thử thai nhanh	3.150.000				
		Nhóm 15. Kiểm soát nhiễm khuẩn						
		92	Bowie dick (Test thử lò hấp)	3.985.500				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		Nhóm 16. Điện tim				
		93 Giấy điện tim 1 cần 50mm x 30m				
					330.000	
		94 Giấy đo điện tim cho Máy ECG-1250K				
					13.860.000	
		95 Quả bóp cao su cho máy điện tim				
					4.320.000	
		96 Gel đo điện tim ECG				
					232.500	
		Nhóm 17. Đồ vải				
		97 Garo tay				
					157.500	
		98 Săng mổ 50x50 cm, KHÔNG LỖ				
					757.200	
		Nhóm 18. Vật tư dùng chung				
		99 Khâu trang y tế 4 lớp				
					24.570.000	
		100 Găng phẫu thuật tiết trùng số 6,5				
					1.503.000	
		101 Găng phẫu thuật tiết trùng 7,5				
					3.132.000	
		102 Găng y tế cổ tay dài				
					75.600.000	
		Nhóm 19. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
		103 Bao cao su				
					1.188.000	
		104 Nhiệt kế thủy ngân				
					1.008.000	
		105 Vòng tránh thai				
					2.250.000	
		Tổng cộng			1.199.845.599	

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp																																							
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh																																									
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh																																								
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	<p>Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu (đã bao gồm VAT) 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu</p> <p>Trong đó hợp đồng tương tự là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính chất tương tự: Hợp đồng cung cấp vật tư hóa chất xét nghiệm, trang thiết bị y tế⁽¹⁰⁾; - Đã hoàn thành và có quy mô (giá trị) tối thiểu: 604.545.882 VND⁽¹¹⁾. <p>Trong trường hợp nhà thầu tham gia chào từng hạng mục hàng hóa thi doanh thu bình quân hàng năm được tính như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên hàng hóa</th> <th>Giá trị Hợp đồng tương tự của từng nhóm (VND)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3">Nhóm 1. Dung dịch sát khuẩn</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Nước Javel 11%</td> <td>1.156.680</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Dung dịch rửa dụng cụ sử dụng cho máy rửa khử khuẩn Belimed</td> <td>28.954.800</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Dung dịch khử khuẩn dụng cụ</td> <td>75.448.800</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Dung dịch tẩy rửa dụng cụ</td> <td>34.776.000</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Viên nén khử khuẩn</td> <td>4.788.202</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Dung dịch rửa tay nhanh</td> <td>1.923.264</td> </tr> <tr> <td colspan="3">Nhóm 2. Băng, băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Bông vuông tiệt trùng</td> <td>3.931.200</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>Bông y tế 25g</td> <td>1.587.600</td> </tr> <tr> <td>9</td> <td>Bông cuộn không thấm nước y tế 1kg</td> <td>907.200</td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>Băng cuộn hũu trùng 7cmx 5m</td> <td>604.800</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Tên hàng hóa	Giá trị Hợp đồng tương tự của từng nhóm (VND)	Nhóm 1. Dung dịch sát khuẩn			1	Nước Javel 11%	1.156.680	2	Dung dịch rửa dụng cụ sử dụng cho máy rửa khử khuẩn Belimed	28.954.800	3	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	75.448.800	4	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	34.776.000	5	Viên nén khử khuẩn	4.788.202	6	Dung dịch rửa tay nhanh	1.923.264	Nhóm 2. Băng, băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương			7	Bông vuông tiệt trùng	3.931.200	8	Bông y tế 25g	1.587.600	9	Bông cuộn không thấm nước y tế 1kg	907.200	10	Băng cuộn hũu trùng 7cmx 5m	604.800	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (trung đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05A
STT	Tên hàng hóa	Giá trị Hợp đồng tương tự của từng nhóm (VND)																																											
Nhóm 1. Dung dịch sát khuẩn																																													
1	Nước Javel 11%	1.156.680																																											
2	Dung dịch rửa dụng cụ sử dụng cho máy rửa khử khuẩn Belimed	28.954.800																																											
3	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	75.448.800																																											
4	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	34.776.000																																											
5	Viên nén khử khuẩn	4.788.202																																											
6	Dung dịch rửa tay nhanh	1.923.264																																											
Nhóm 2. Băng, băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương																																													
7	Bông vuông tiệt trùng	3.931.200																																											
8	Bông y tế 25g	1.587.600																																											
9	Bông cuộn không thấm nước y tế 1kg	907.200																																											
10	Băng cuộn hũu trùng 7cmx 5m	604.800																																											

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm					Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu			Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
						Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		11	Băng cuộn hữu trùng 10cm x 5m	1.530.900				
		12	Băng cuộn hữu trùng 14cmx7m	3.863.160				
		13	Băng dính lụa cuộn 1.25cm x 5m	1.345.680				
		14	Băng dính lụa cuộn 5cm x 5m	1.381.212				
		15	Băng keo vải cá nhân	25.169.357				
		16	Băng thun 10cm x 4,5m	3.061.800				
		17	Băng thun có keo cố định khớp 8cm x 4.5m	982.800				
		18	Băng keo cuộn co giãn 15cmx10m	21.264.768				
		19	Gạc lưới 10cmx10cm	11.975.040				
		20	Gạc bông đắp vết thương tiết trùng 7cmx10cm	6.168.960				
		21	Gạc y tế 10x10cm	1.913.814				
		22	Gạc y tế 5 x 6,5cm	3.129.840				
		Nhóm 3. Bơm tiêm, kim tiêm						
		23	Bơm Karman 1 van	1.088.640				
		24	Bơm tiêm 1ml	9.273.852				
		25	Bơm tiêm 3ml	11.430.720				
		26	Bơm tiêm 10 ml	1.705.536				
		27	Bơm tiêm nhựa 50 ml	962.993				
		28	Kim cánh bướm G23	2.457.756				
		29	Kim lấy thuốc số 18	226.800				
		30	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G22	13.078.800				
		31	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G24	2.059.457				
		32	Kim tiêm vô trùng 22G	47.174				
		Nhóm 4. Kim châm cứu						
		33	Kim châm cứu số 3	982.800				
		34	Kim châm cứu số 4	5.896.800				
		35	Kim châm cứu số 5	1.965.600				
		36	Kim cây chỉ (Ø0.8x63mm)	2.721.600				
		Nhóm 5. Dây truyền, dây dẫn						

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm					Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu			Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
						Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		37	Khóa 3 ngã có dây dài 5cm (truyền dịch)	3.628.800				
		38	Mask oxy nồng độ cao có túi người lớn	1.058.400				
		39	Mask oxy nồng độ cao có túi trẻ em	982.800				
		Nhóm 6. Túi, lọ và vật tư bao gói khác						
		40	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 75mm x 200m	982.800				
		41	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 150mm x 200m	824.728				
		42	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 150mm x 100m	4.142.880				
		43	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 250mmx100m	3.573.818				
		44	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 300mmx100m	4.536.000				
		45	Giấy đóng gói thuốc cuộn	3.969.000				
		46	Hộp nhựa đựng bơm tiêm thải 1,5lít	752.976				
		47	Hộp nhựa đựng bơm tiêm thải 6,8 lít	1.844.640				
		Nhóm 7. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter						
		48	Ống Nội khí quản có bóng số 7	113.400				
		49	Ống Nội khí quản có bóng số 7.5	75.600				
		50	Ống Nội khí quản có bóng số 8	75.600				
		51	Ống thổi dùng cho máy đo nồng độ cồn ALP-1	982.800				
		52	Thông tiêu NELATON	211.680				
		Nhóm 8. Chỉ khâu						
		53	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền 4/0	3.175.200				
		54	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền 3/0	3.069.360				
		55	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đơn sợi tự tiêu nhanh 3/0	1.803.060				
		56	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 2.0 liền kim tam giác	2.068.416				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm					Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu			Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
						Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		57	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 3.0 liên kim tam giác	3.556.224				
		58	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 4.0 liên kim tam giác	3.447.360				
Nhóm 9: Dao, kéo và panh phẫu thuật								
		59	Cán dao số 3	997.920				
		60	Chén Inox	275.184				
		61	Hộp Inox đựng bông (7,5x6cm)	272.160				
		62	Hộp inox đựng dụng cụ tiêu phẫu	486.864				
		63	Kéo cắt băng 18cm	1.134.000				
		64	Kéo thẳng nhọn 16cm	937.440				
		65	Kéo thẳng tù 16cm	328.104				
		66	Khay quả đậu Trung	423.360				
		67	Kim Kelly 16cm cong	203.757				
		68	Kim Kocher có mẫu 16cm	181.440				
		69	Lưỡi dao mổ (số 10)	2.419.200				
		70	Lưỡi dao mổ (số 11)	695.520				
Nhóm 10. Lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp								
		71	Lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp	107.654.400				
Nhóm 11. Chấn thương, chỉnh hình								
		72	Băng bột bó xương 10cm x 2.7m	616.896				
		73	Nẹp chống cổ cao - cứng (Đai cổ cứng)	622.944				
		74	Nẹp nhựa chống xoay cổ chân phải	680.400				
		75	Nẹp nhựa chống xoay cổ chân trái	680.400				
		76	Nẹp vải căng tay phải	446.040				
		77	Nẹp vải căng tay trái	423.360				
Nhóm 12. Chẩn đoán chức năng								
		78	Thòng lọng cắt polyp độ mở 25mm	4.350.599				
		79	Thòng lọng cắt polyp độ mở 20mm	4.350.599				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm					Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu			Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
						Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		80	Thùng lọng cắt polyp độ mở 15mm	4.350.599				
		81	Thùng lọng cắt polyp độ mở 10mm	4.350.599				
		82	Dụng cụ thắt polyp sử dụng một lần	6.170.501				
		83	Chổi làm sạch kênh nội soi dùng một lần (Chổi dài)	5.898.199				
		85	Ống bơm rửa kênh nội soi	4.016.599				
		84	Van khí/nước nội soi	4.401.600				
		86	Clotest	3.386.880				
		Nhóm 13. Chẩn đoán hình ảnh						
		87	Gel siêu âm	5.080.320				
		88	Giấy in siêu âm đen trắng SONY 11cm	19.656.000				
		Nhóm 14. Xét nghiệm						
		89	Que thử đường huyết	13.608.000				
		90	Formol	2.240.028				
		91	Que test thử thai nhanh	1.587.600				
		Nhóm 15. Kiểm soát nhiễm khuẩn						
		92	Bowie dick (Test thử lò hấp)	2.008.692				
		Nhóm 16. Điện tim						
		93	Giấy điện tim 1 cân 50mm x 30m	166.320				
		94	Giấy đo điện tim cho Máy ECG-1250K	6.985.440				
		95	Quả bóp cao su cho máy điện tim	2.177.280				
		96	Gel đo điện tim ECG	117.180				
		Nhóm 17. Đồ vải						
		97	Garô tay	79.380				
		98	Săng mô 50x50 cm, KHÔNG LỖ	381.629				
		Nhóm 18. Vật tư dùng chung						
		99	Khẩu trang y tế 4 lớp	12.383.280				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm					Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu			Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
						Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		100	Găng phẫu thuật tiết trùng số 6,5	757.512				
		101	Găng phẫu thuật tiết trùng 7,5	1.578.528				
		102	Găng y tế cổ tay dài	38.102.400				
		Nhóm 19. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác						
		103	Bao cao su	598.752				
		104	Nhiệt kế thủy ngân	508.032				
		105	Vòng tránh thai	1.134.000				
		Tổng cộng		604.545.882				
		Đã hoàn thành ≥ Tối thiểu bằng giá dự thầu						
5	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác⁽¹²⁾	<p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. 			Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: ngày phát hành E-HSMT là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải

chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(8) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) *Cập nhật nội dung Ghi chú (9) phù hợp với quy định hiện hành của Vietsovpetro.*

(10) Tương tự về tính chất: *Cập nhật nội dung Ghi chú (10) phù hợp với quy định hiện hành của Vietsovetro.*

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự: *Cập nhật nội dung Ghi chú (11) phù hợp với quy định hiện hành của Vietsovetro.*

(12) Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.

Bảng số 02 (scan đính kèm trên Hệ thống) (Không áp dụng)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm ____ ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Nội dung cam kết theo đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của ____ ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là ____ ⁽⁷⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Năng lực sản xuất hàng hoá⁽⁸⁾	Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây: - Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: __ sản phẩm/01 tháng; Hoặc:	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (trưng dương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05B

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		- Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: ___ sản phẩm.				
5	Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác⁽⁹⁾	<p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1). *(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm*

2022).

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Vi dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Vi dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Vi dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Ví dụ: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là tháng 11 năm 2022 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2019, 2020, 2021.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(8) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, tương ứng với yêu cầu về hạng mục chính hoặc tất cả hàng hóa của gói thầu đối với nhà thầu là nhà thương mại.

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$. Thông thường $k = 1,5$; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định $k = 1$ ”.

Ví dụ: Số lượng hàng hóa cần mua là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện gói thầu là 20 ngày, hệ số $k = 1,5$ thì công suất thiết kế tối thiểu trong 01 tháng/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 tháng của nhà thầu là: $1,5 \times (12.000 \times 30/20) = 27.000$ hộp sữa.

Trường hợp hàng hóa là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải chứng minh công suất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4-Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất để chứng minh năng lực sản xuất.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, năng lực sản xuất được xác định theo công thức trên tương ứng với khối lượng, số lượng mà nhà thầu có thể cung cấp (không phải tương ứng với khối lượng mời thầu). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(9) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại. Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM

(Áp dụng đối với gói thầu cung cấp hàng hóa chia thành nhiều phần)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)	Khả năng bảo hành, bảo trì
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)

Đối với các nội dung lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ thuế, kết quả hoạt động tài chính, khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác áp dụng theo quy định tại Bảng số 01, Bảng số 02 Chương này.

Ghi chú:

(*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó.

(**) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà nhà thầu tham dự, nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà nhà thầu tham dự.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Không được yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt đối với phần công việc cung cấp hàng hóa. Đối với hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường, không đòi hỏi nhân sự thực hiện dịch vụ liên quan (như: lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ...) phải có trình độ cao thì không yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Chỉ được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các dịch vụ liên quan có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận.

Trường hợp E-HSMT yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4.4 E-CDNT và bị xử lý theo quy định.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được Chủ đầu tư đính kèm file scan theo E-HSMT lên hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 6A Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (File scan đính kèm trên Hệ thống) ⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự ⁽²⁾	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn ⁽³⁾
1			<i>tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng</i>	
2			<i>tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng</i>	
...				

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV.

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự.

(3) Chỉ quy định trong trường hợp dịch vụ liên quan có yêu cầu phải có chứng chỉ chuyên môn.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Theo tài liệu đính kèm tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

*** Đối với Lô 09-1:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu: bao gồm tất cả các thuế phí, lệ phí phát sinh trong nước Việt Nam nhưng không bao gồm thuế nhập khẩu và thuế VAT trên tờ khai nhập khẩu sẽ được miễn cho lô 09-1;

Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

*** Đối với Lô khác (ngoài 09-1):**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu: bao gồm tất cả các thuế, phí, lệ phí.

Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

4.2. Phương pháp giá đánh giá²: Không áp dụng

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

² Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.1 Mục 4 Chương này.

Bước 1. Xác định giá dự thầu:

* **Đối với Lô 09-1:** Xác định giá dự thầu: bao gồm tất cả các thuế phí, lệ phí phát sinh trong nước Việt Nam nhưng không bao gồm thuế nhập khẩu và thuế VAT trên tờ khai nhập khẩu sẽ được miễn cho lô 09-1;

* **Đối với Lô khác (ngoài 09-1):** Xác định giá dự thầu: bao gồm tất cả các thuế, phí, lệ phí.

2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{ĐG} = G \pm \Delta G + \Delta_{ƯĐ}$$

Trong đó:

- G là giá dự thầu xác định tại Bước 1 khoản này;

- $\Delta_{ƯĐ}$ là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 28 E-CDNT.

- ΔG là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa. Theo đó, khi xây dựng tiêu chuẩn giá đánh giá, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể cân nhắc lượng hóa một hoặc các yếu tố khác ngoài giá dự thầu. Các yếu tố đó có thể bao gồm:

a) Thời gian giao hàng:

Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể lượng hóa thành tiền ưu thế của 01 ngày hàng hóa đưa vào sử dụng sớm (trong khoảng thời gian theo tiến độ giao hàng) sẽ tiết kiệm được A (VND) thì sử dụng yếu tố này để đưa vào công thức xác định giá đánh giá. Trường hợp nhà thầu giao hàng muộn hơn so với ngày giao hàng sớm nhất là X ngày (nhưng vẫn trong khoảng thời gian theo tiến độ giao hàng) sẽ bị cộng thêm một khoản tiền là: A x X (VND) vào giá dự thầu của nhà thầu này để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

b) Tiến độ thanh toán:

Nhà thầu phải chào giá theo biểu tiến độ thanh toán quy định tại E-ĐKCT. E-HSMT sẽ được so sánh trên cơ sở giá chào theo biểu tiến độ thanh toán theo quy định. Tuy nhiên, cùng với biểu tiến độ thanh toán quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu được phép đề xuất một biểu tiến độ thanh toán khác và đề xuất giảm giá theo biểu tiến độ thanh toán này. Sau khi nhà thầu được lựa chọn trúng thầu trên cơ sở so sánh giá chào theo biểu tiến độ thanh toán ban đầu thì Chủ đầu tư có thể xem xét biểu tiến độ thanh toán thay thế và giảm giá của nhà thầu này.

c) Chi phí cho các hạng mục vật tư, phụ tùng thay thế: ___ [Chủ đầu tư, Bên mời thầu lựa chọn theo một trong hai cách sau đây:

Nhà thầu có trách nhiệm lập danh sách và chào giá cho vật tư, phụ tùng thay thế trong thời gian vận hành ban đầu quy định tại Mục 15.8 E-BDL. Giá chào của các vật tư, phụ tùng thay thế này sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để làm cơ sở so sánh E-HSMT, xếp hạng nhà thầu.

Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện theo đúng cam kết với giá đề xuất tại điểm này trong quá trình sử dụng.

hoặc

Chủ đầu tư, Bên mời thầu lập danh sách các vật tư, phụ tùng thay thế có tần suất sử dụng và giá trị lớn trong thời gian vận hành ban đầu quy định tại Mục 15.8 **E-BDL**. Nhà thầu phải chào đơn giá, thành tiền cho các vật tư, phụ tùng thay thế này. Giá chào của các hàng hóa này sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để làm cơ sở so sánh E-HSDT, xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện theo đúng cam kết với giá đề xuất trong quá trình sử dụng.

d) Khả năng sẵn sàng cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế và các dịch vụ sau bán hàng cho hàng hóa được chào trong HSDT tại địa điểm dự án:

Để phục vụ việc so sánh E-HSDT, xếp hạng nhà thầu, giá dự thầu sẽ được cộng thêm một khoản tiền tương đương với chi phí mà Chủ đầu tư phải bỏ ra để thiết lập các cơ sở dịch vụ tối thiểu và lưu kho các vật tư, phụ tùng thay thế nếu các mục này được chào riêng rẽ.

đ) Chi phí vòng đời sử dụng:

Chi phí vòng đời nên được sử dụng khi chi phí dành cho vận hành và bảo dưỡng trong vòng đời sử dụng của hàng hóa là đáng kể so với chi phí mua hàng hóa và có thể khác nhau giữa các E-HSDT. Chi phí vòng đời sẽ được đánh giá trên cơ sở giá trị hiện tại ròng. Nếu áp dụng chi phí vòng đời thì có thể xem xét đưa vào các yếu tố sau cho mục đích so sánh, xếp hạng nhà thầu:

- + Số năm tính chi phí vòng đời: ___ [ghi số năm];
- + Tỷ lệ chiết khấu tính giá trị hiện tại ròng đối với chi phí vận hành và bảo dưỡng: ___ [ghi tỷ lệ chiết khấu];
- + Chi phí vận hành và bảo dưỡng hằng năm trong suốt vòng đời của hàng hóa được xác định theo cách thức: ___ [ghi cách thức xác định];
- + Giá trị thanh lý;
- + Các yếu tố khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- + Nhà thầu phải cung cấp các thông tin sau: _____ [nêu các thông tin nhà thầu phải cung cấp (nếu cần)].

e) Hiệu suất và công suất của thiết bị:

Để so sánh E-HSDT, xếp hạng nhà thầu, giá dự thầu sẽ trừ đi một khoản tiền tương ứng với mức chênh lệch về công suất, hiệu suất giữa đề xuất của nhà thầu và mức yêu cầu tối thiểu trong HSMT. Cụ thể như sau: _____ [ghi công thức điều chỉnh]. Ví dụ: 01% hoặc 01 đơn vị chênh lệch giữa hiệu suất và công suất của thiết bị mà E-HSDT chào ưu việt hơn so với mức yêu cầu tối thiểu trong HSMT được coi là tương đương với _____ [ghi số tiền mà Chủ đầu tư có thể có lợi do hiệu suất, công suất cao hơn].

g) Đấu thầu bền vững (nếu có): _____ [Trường hợp áp dụng tiêu chí này, chủ đầu tư, bên mời thầu cần lượng hóa thành tiền một đơn vị chênh lệch của thông số, chỉ số về môi trường, xã hội...so với mức yêu cầu tối thiểu].

h) Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu, chất lượng hàng hóa đã sử dụng;

i) Các tiêu chuẩn khác:

- Trường hợp trong phạm vi cung cấp có đưa ra các yêu cầu về đấu thầu bền vững như

yêu cầu về khí thải, mức tiêu hao nhiên liệu, vật liệu tái chế, tái sử dụng... thì Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc đồng thời với tiêu chí đạt/không đạt sẽ lượng hóa các yếu tố này thành tiền nếu vượt mức yêu cầu tối thiểu.

- Các tiêu chuẩn khác như thông kê kết quả thực hiện các gói thầu trước đó.

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSĐT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSĐT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSĐT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSĐT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có) Không áp dụng

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: ____ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

Mục 7: Quyền đơn phương chấm dứt đàm phán hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất, trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.

Đối với đề xuất hàng hóa có xuất xứ từ các nước bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang, trong tình trạng chiến tranh, bị trừng phạt hoặc cấm vận và việc nhập khẩu những hàng hóa đó có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng, nhà thầu được yêu cầu giải trình và cam kết về khả năng giao hàng để Vietsovpetro xem xét, đánh giá.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Vietsovpetro sẽ có toàn quyền xem xét và quyết định từ chối các đề xuất của nhà thầu về hàng hóa đó, hoặc không tiếp tục đánh giá, nếu Vietsovpetro cho rằng việc thực hiện hợp đồng và lịch trình giao hàng có rủi ro. Trong trường hợp đó, Vietsovpetro có toàn quyền quyết định ngừng đàm phán hợp đồng, và mời nhà thầu có thứ hạng tiếp theo liên kế vào đàm phán hợp đồng.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa	Scan đính kèm lên Hệ thống (Riêng Mẫu số 2 – Đơn dự thầu: webform và scan đính kèm)	X	
	Mẫu số 01D. Các dịch vụ liên quan		X	
	Mẫu số 01C. Vật tư, phụ tùng thay thế		X	
	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
	Mẫu số 04C. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)			X
	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
	Mẫu số 05B. kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)			X
	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu		X	
	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ		X	

Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu		X
Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp		X
Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu		X
Mẫu số 11. Bảng tổng hợp giá dự thầu		X
Mẫu số 12.1. Bảng giá dự thầu của hàng hóa đối với Lô 09-1		X
Mẫu số 12.2. Bảng giá dự thầu của hàng hóa đối với Lô khác (ngoài Lô 09-1)		X
Mẫu số 13. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan		X
Mẫu số 14A. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)		X
Mẫu số 14B. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)		X
Mẫu số 15A. Bảng kê hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi		X
Mẫu số 15B. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)		X
Mẫu số 15C. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)		X

Mẫu số 01A (Scan đính kèm trên Hệ thống)

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

Theo tài liệu đính kèm tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa	Địa điểm giao hàng	Ngày giao hàng ⁽²⁾	
			Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày; kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày; kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
Nhóm 1. Dung dịch sát khuẩn				
1	Nước Javel 11%	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
2	Dung dịch rửa dụng cụ sử dụng cho máy rửa khử khuẩn Belimed	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
3	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
4	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
5	Viên nén khử khuẩn	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
6	Dung dịch rửa tay nhanh	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 2. Băng, băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương				
7	Bông vuông tiệt trùng	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
8	Bông y tế 25g	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
9	Bông cuộn không thấm nước y tế 1kg	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
10	Băng cuộn hũ trùng 7cmx 5m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
11	Băng cuộn hũ trùng 10cm x 5m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
12	Băng cuộn hũ trùng 14cmx7m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
13	Băng dính lụa cuộn 1.25cm x 5m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
14	Băng dính lụa cuộn 5cm x 5m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
15	Băng keo vải cá nhân	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
16	Băng thun 10cm x 4,5m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
17	Băng thun có keo cố định khớp 8cm x 4.5m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
18	Băng keo cuộn co giãn 15cmx10m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
19	Gạc lưới 10cmx10cm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
20	Gạc bông đắp vết thương tiệt trùng 7cmx10cm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
21	Gạc y tế 10x10cm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15

STT	Danh mục hàng hóa	Địa điểm giao hàng	Ngày giao hàng ⁽²⁾	
			Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
22	Gạc y tế 5 x 6,5cm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 3. Bơm tiêm, kim tiêm				
23	Bơm Karman 1 van	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
24	Bơm tiêm 1ml	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
25	Bơm tiêm 3ml	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
26	Bơm tiêm 10 ml	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
27	Bơm tiêm nhựa 50 ml	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
28	Kim cánh bướm G23	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
29	Kim lấy thuốc số 18	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
30	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G22	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
31	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G24	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
32	Kim tiêm vô trùng 22G	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 4. Kim châm cứu				
33	Kim châm cứu số 3	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
34	Kim châm cứu số 4	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
35	Kim châm cứu số 5	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
36	Kim cây chỉ (Ø0.8x63mm)	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 5. Dây truyền, dây dẫn				
37	Khóa 3 ngã có dây dài 5cm (truyền dịch)	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
38	Mask oxy nồng độ cao có túi người lớn	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
39	Mask oxy nồng độ cao có túi trẻ em	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 6. Túi, lọ và vật tư bao gói khác				
40	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 75mm x 200m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
41	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 150mm x 200m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
42	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 150mm x 100m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
43	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 250mm x 100m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
44	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 300mm x 100m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
45	Giấy đóng gói thuốc cuộn	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
46	Hộp nhựa đựng bơm tiêm thải 1,5lít	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15

STT	Danh mục hàng hóa	Địa điểm giao hàng	Ngày giao hàng ⁽²⁾	
			Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
47	Hộp nhựa đựng bơm tiêm thái 6,8 lít	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 7. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
48	Ống Nội khí quản có bóng số 7	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
49	Ống Nội khí quản có bóng số 7.5	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
50	Ống Nội khí quản có bóng số 8	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
51	Ống thổi dùng cho máy đo nồng độ cồn ALP-1	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
52	Thông tiêu NELATON	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 8. Chỉ khâu				
53	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền 4/0	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
54	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền 3/0	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
55	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đơn sợi tự tiêu nhanh 3/0	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
56	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 2.0 liên kim tam giác	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
57	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 3.0 liên kim tam giác	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
58	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 4.0 liên kim tam giác	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 9: Dao, kéo và panh phẫu thuật				
59	Cán dao số 3	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
60	Chén Inox	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
61	Hộp Inox đựng bông (7,5x6cm)	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
62	Hộp inox đựng dụng cụ tiêu phẫu	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
63	Kéo cắt băng 18cm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
64	Kéo thẳng nhọn 16cm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
65	Kéo thẳng tù 16cm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
66	Khay quả đậu Trung	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
67	Kìm Kelly 16cm cong	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
68	Kìm Kocher có máu 16cm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
69	Lưỡi dao mô (số 10)	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
70	Lưỡi dao mô (số 11)	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 10. Lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp				
71	Lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 11. Chấn thương, chỉnh hình				

STT	Danh mục hàng hóa	Địa điểm giao hàng	Ngày giao hàng ⁽²⁾	
			Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
72	Băng bột bó xương 10cm x 2.7m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
73	Nẹp chống cổ cao - cứng (Đai cổ cứng)	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
74	Nẹp nhựa chống xoay cổ chân phải	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
75	Nẹp nhựa chống xoay cổ chân trái	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
76	Nẹp vải căng tay phải	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
77	Nẹp vải căng tay trái	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 12. Chẩn đoán chức năng				
78	Thông lọng cắt polyp độ mở 25mm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
79	Thông lọng cắt polyp độ mở 20mm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
80	Thông lọng cắt polyp độ mở 15mm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
81	Thông lọng cắt polyp độ mở 10mm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
82	Dụng cụ thắt polyp sử dụng một lần	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
83	Chổi làm sạch kênh nội soi dùng một lần (Chổi dài)	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
85	Ống bơm rửa kênh nội soi	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
84	Van khí/nước nội soi	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
86	Clotest	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 13. Chẩn đoán hình ảnh				
87	Gel siêu âm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
88	Giấy in siêu âm đen trắng SONY 11cm	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 14. Xét nghiệm				
89	Que thử đường huyết	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
90	Formol	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
91	Que test thử thai nhanh	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 15. Kiểm soát nhiễm khuẩn				
92	Bowie dick (Test thử lò hấp)	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 16. Điện tim				
93	Giấy điện tim 1 cần 50mm x 30m	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
94	Giấy đo điện tim cho Máy ECG-1250K	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
95	Quả bóp cao su cho máy điện tim	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
96	Gel đo điện tim ECG	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15

STT	Danh mục hàng hóa	Địa điểm giao hàng	Ngày giao hàng ⁽²⁾	
			Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
Nhóm 17. Đồ vải				
97	Garô tay	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
98	Săng mớ 50x50 cm, KHÔNG LỖ	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 18. Vật tư dùng chung				
99	Khâu trang y tế 4 lớp	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
100	Găng phẫu thuật tiệt trùng số 6,5	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
101	Găng phẫu thuật tiệt trùng 7,5	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
102	Găng y tế cổ tay dài	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
Nhóm 19. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
103	Bao cao su	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
104	Nhiệt kế thủy ngân	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15
105	Vòng tránh thai	Số 02 Pasteur, Tam Thắng, TP.HCM	1	15

Ghi chú:

(1) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(2) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ⁽¹⁾

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ ⁽²⁾
1	Ghi nội dung dịch vụ 1				
2	Ghi nội dung dịch vụ 2				
..					
n	Ghi nội dung dịch vụ n				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không yêu cầu dịch vụ liên quan thì Chủ đầu tư không nhập Biểu này trên Hệ thống.

(2) “Ngày hoàn thành dịch vụ” phải hợp lý, phù hợp với “Ngày giao hàng” tại Mẫu số 01A, 01B, 01C.

VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ .

(chỉ áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu cụ thể về vật tư, phụ tùng thay thế)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)

Ghi chú:

Chủ đầu tư các cột (1), (2), (3), (4) cho phù hợp với yêu cầu quy định tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(trích xuất từ hệ thống- (Scan đính kèm trên Hệ thống)

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]
Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] ngày __ tháng __ năm __ [ngày được ghi trên HSM];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số __ ngày __ tháng __ năm __ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [ghi tên dự án].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, tất cả các thành viên của liên danh sẽ tham gia ký kết hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận hoặc vi phạm các quy định của hợp đồng đã ký kết thì thành viên đó bị xử lý như sau:
 - Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
 - Cùng các thành viên trong liên danh bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng (tương ứng theo tỷ lệ của từng thành viên đã quy định tại Điều 2 Thỏa thuận này);
 - Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ___ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau³:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSĐT hoặc văn bản đề nghị rút HSĐT, sửa đổi, thay thế HSĐT;
- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 2 dưới đây;
- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ___ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện các công việc cụ thể theo bảng dưới đây⁴:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tên thành viên thứ nhất (thành viên đứng đầu liên danh)	- Công việc 1: _____	_____ %	VNĐ/USD
		- Công việc 2: _____		
		- Công việc 3: _____		
			
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1: _____	_____ %	VNĐ/USD
		- Công việc 2: _____		
		- Công việc 3: _____		
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%	VNĐ/USD

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

-Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được qui định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

-Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ___ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ___ [*ghi tên dự án*] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ___ bản, mỗi bên giữ ___ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

¹ Nhà thầu cập nhật.

² Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

³ Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU SỐ: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc

của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSĐT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **E-BDL**.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU SỐ: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ không hủy ngang và vô điều kiện sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSĐT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT của E-HSMT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được

hoàn trả.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **E-BDL**.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)

Ngày: (Ngày ký hồ sơ mời thầu)

Tên gói thầu:..... (Tên gói thầu theo hồ sơ mời thầu)

Tên dự án: (Tên dự án)

Hồ sơ mời thầu số: VT/DV-.....

Kính gửi: _____ (tên đầy đủ và địa chỉ của người đại diện)

Căn cứ vào gói thầu nêu trên, chúng tôi [ghi tên nhà thầu] xin xác nhận như sau:

1. Thay vì nộp Bảo đảm dự thầu do ngân hàng phát hành, [điền tên nhà thầu] thực hiện bảo đảm dự thầu cho [tên gói thầu] bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro một khoản tiền đặt cọc tương đương với số tiền Bảo đảm dự thầu. được chỉ định trong E-HSMT, là [chỉ định bằng số, bằng chữ và loại tiền gửi]
2. Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu sẽ tuân thủ tất cả các điều kiện theo quy định tại mẫu Bảo đảm dự thầu của E-HSMT. (Trường hợp Nhà thầu xác nhận không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo mẫu Bảo đảm dự thầu trong HSMT thì hồ sơ dự thầu của Nhà thầu sẽ không được đánh giá)
3. Sau [điền thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu] ngày kể từ ngày đóng thầu....., Vietsovpetro sẽ chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản của [điền tên nhà thầu]. [điền tên nhà thầu] sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển nhượng này.
4. Tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro:

Tên người thụ hưởng: Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro

Ngân hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu

Số tài khoản: 008.100.00000.11 (VNĐ)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Nhà thầu đính kèm Ủy nhiệm chi hoặc văn bản chứng minh đã chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro kèm theo thư này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾
(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA
(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): _____ [Điền số nhà máy]

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	[Ghi tên nhà máy]
Địa chỉ:	[Ghi địa chỉ nhà máy]
Tổng mức đầu tư:	[Ghi tổng mức đầu tư]
Công suất thiết kế:	[Ghi công suất thiết kế]
Công suất thực hiện:	[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]
Tiêu chuẩn sản xuất:	[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]
Số lao động đang làm việc:	[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 06A (Scan đính kèm trên Hệ thống) Không áp dụng

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4.4 E-CDNT và bị xử lý theo quy định.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 06B (Scan đính kèm trên Hệ thống) Không áp dụng

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 06C (Scan đính kèm trên Hệ thống) Không áp dụng

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III

- Không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc khoản 2.1 Mục 2 Chương III.
- Có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc khoản 2.1 Mục 2 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày __ tháng __ đến ngày __ tháng __ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 09A (Scan đính kèm trên Hệ thống) Không áp dụng

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

(chỉ áp dụng đối với dịch vụ liên quan)

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 10A (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục hàng hóa	Ngày giao hàng ⁽²⁾		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
		Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
1				

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3)(4) (5) (6) (7): Theo quy định tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Cột (8): Nhà thầu điền

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu/[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 10B (webform trên Hệ thống)

ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Hàng hoá thứ 1								
2	Hàng hoá thứ 2								
...									
n	Hàng hoá thứ n								

Ghi chú:

- Cột (2), (9), (10): Theo quy định tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC;
- Cột (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền;
- Đề xuất của nhà thầu tại Mẫu này được trích xuất sang Mẫu 12.1 hoặc 12.2.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	$(M1)$
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	$(M2)$
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu <i>(Kết chuyển sang đơn dự thầu)</i>	$(M1) + (M2) + (I)$

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 12.1 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
ĐỐI VỚI LÔ 09-1

I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam hoặc hàng hóa sản xuất, gia công ngoài Việt Nam nhưng đã nhập khẩu và đang chào tại Việt Nam

ĐV tiền tệ: Đồng Việt Nam.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn giá (Chưa bao gồm VAT)	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (Col. 4x8)	Ghi chú
1									A1	% thuế GTGT
2									A2	% thuế GTGT
3										
4										
5										
.....										
n										
Tổng cộng giá dự thầu									A=A1+A2+...+An	
Tiền thuế GTGT									T	
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU)</i>									M₁=A+T	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi chi tiết phù hợp với Danh mục dịch vụ theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC / hoặc ghi rõ tham chiếu theo Danh mục theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC của E-HSMT để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

Cột (5) (6) (7): Nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu;

Cột (8) (9)(10)(11): Nhà thầu điền;

Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước sẽ nhập về Việt Nam

1	2	3	4	5	6	7	8	9
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn giá	Thành tiền (Col. 4x8)
1								A1
2								A2
3								...
4								
5								
....								
n								
Tổng giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và không bao gồm thuế GTGT và thuế nhập khẩu của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên tờ khai hải quan. Thuế GTGT và thuế nhập khẩu trên được miễn theo Hiệp định liên Chính phủ. (Kết chuyển sang BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU)								$M_2=A_1+A_2+...+A_n$

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi chi tiết phù hợp với Danh mục dịch vụ theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC / hoặc ghi rõ tham chiếu theo Danh mục theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC của E-HSMT để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

Cột (5) (6) (7): Nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu;

Cột (8) (9): Nhà thầu điền;

Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Thành tiền (M) không bao gồm thuế GTGT và thuế nhập khẩu của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên tờ khai hải quan, nhưng bao gồm tất cả các loại thuế, phí phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Thuế GTGT và thuế nhập khẩu trên được miễn theo Hiệp định liên Chính phủ.

Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Căn cứ Điều 7 của Hiệp định liên Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2010 giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga về hợp tác liên tục trong thăm dò địa chất, khai thác dầu khí ở thềm lục địa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Vietsovpetro được miễn thuế hải quan trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khi xuất/nhập vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất chính của Vietsovpetro. Quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu dựa trên tổng trị giá hàng hóa bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và được xét miễn thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên tờ khai hải quan theo Danh mục hàng hóa miễn thuế dành cho Vietsovpetro Lô 09-1. Tổng giá trị hàng hóa nêu trên là giá trúng thầu và giá hợp đồng.

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU
ĐỐI VỚI LÔ KHÁC (NGOÀI LÔ 09-1)**

I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam hoặc hàng hóa sản xuất, gia công ngoài Việt Nam nhưng đã nhập khẩu và đang chào tại Việt Nam

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn giá (chưa bao gồm VAT)	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (chưa bao gồm VAT) (Col. 4x8)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)
1								A1	T1
2								A2	T2
...										
n								An	Tn
		Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							A=A1+A2+...+An	
		Tổng cộng giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có)								T=T1+T2+...+Tn
		Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU)</i>								M₁=A+T

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

T1, T2, Tn: Nhà thầu tính toán và điền;

Các cột (1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi chi tiết phù hợp với Danh mục dịch vụ theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC / hoặc ghi rõ tham chiếu theo Danh mục theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC của E-HSMT để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

Cột (5) (6) (7): Nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu;

Cột (8) (9) (10): Nhà thầu điền;

- Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước sẽ nhập về Việt Nam

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn giá	Thành tiền (Col. 4x8)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)

									Thuế nhập khẩu	Thuế GTGT (VAT)	
1	<i>Goods 1</i>							A1	T1a	T1b	
2	<i>Goods 2</i>							A2	T2a	T2b	
...											
n	<i>Goods n</i>							An	Tna	Tnb	
		Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)					A=A1+A2+...+An				
		Thuế nhập khẩu							T1=T1a+T2a+...+Tna		
		Thuế GTGT (VAT)								T2=T1b+T2b+...+Tnb	
		Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU)</i>					M₂=A+T1+T2				

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

T1a, T2a, Tna; T1b, T2b, Tnb (type, calculation): Nhà thầu tính toán và điền;

Các cột (1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi chi tiết phù hợp với Danh mục dịch vụ theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC / hoặc ghi rõ tham chiếu theo Danh mục theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC của E-HSMT để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

Cột (5) (6) (7): Nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu;

Cột (8) (9) (10): Nhà thầu điền;

- Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

- Căn cứ Nghị định/Thông tư về việc tiếp tục hợp tác thăm dò địa chất, khai thác dầu khí ở thềm lục địa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Vietsovpetro được miễn thuế nhập khẩu trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khi đưa vào/ra vật tư, thiết bị, hàng hóa trong nước chưa sản xuất được cho Lô Yêu cầu nhà thầu xác nhận có sử dụng hạn ngạch hay không. Trường hợp không sử dụng hạn ngạch, nhà thầu không phải chào riêng thuế nhập khẩu.

Mẫu số 13 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Col. 3x7)
1							
2							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) Bên mời thầu ghi phù hợp theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC;

Các cột (7) và cột (8) do nhà thầu chào. Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí)

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ
(áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng (Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							

Ghi chú:

- Nhà thầu điền các cột từ (1) đến (8). Nhà thầu phải đề xuất và chào giá cho các vật tư, phụ tùng thay thế theo hướng dẫn tại Mục 15.8 E-CDNT và Mục 4 Chương III.

- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E- HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ
(áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng (Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							

Ghi chú:

- Các cột (1) (2) (3) (4): Nhà thầu điền theo yêu cầu trong Phần 4 CÁC PHỤ LỤC;
- Nhà thầu điền vào các cột (5), (6), (7), (8).

- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E-HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ <i>[ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]</i>	Hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 25% trở lên		Kê khai chi phí trong nước	
			Có	Không	Theo Mẫu 15B	Theo Mẫu 15C
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hoá thứ 1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Hàng hoá thứ 2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	...					
n	Hàng hoá thứ n		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu điền theo đã kê khai từ Mẫu số 12.1 hoặc Mẫu số 12.2.

(3), (4): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa.

(5), (6): Đối với hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 25% trở lên nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu 15B (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại) hoặc 15C (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 15B (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI
(trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại	Kê khai các chi phí nhập ngoại	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	(III)	$G^* = (I) - (II) - (III)$	$D(\%) = G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hoá thứ 1					
2	Hàng hoá thứ 2					
...	...					
n	Hàng hoá thứ n					

Ghi chú:

- (1): Nhà thầu điền theo đã kê khai các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (3) và cột (5) của Mẫu số 15A.
 (2): Nhà thầu điền theo đã kê khai đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).
 (3), (4): Nhà thầu tự kê khai.
 (5), (6): Nhà thầu tính toán.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾
(trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại ⁽²⁾	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	G*	$D(\%)=G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hàng hoá thứ 1				
2	Hàng hoá thứ 2				
...	...				
n	Hàng hoá thứ n				

Ghi chú:

- (1): Nhà thầu điền theo đã kê khai các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (3) và cột (6) của Mẫu số 15A.
 (2): Nhà thầu điền theo đã kê khai đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).
 (3), (4): Nhà thầu tự kê khai.
 (5): Nhà thầu tính toán.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

(Xem tài liệu đính kèm tại Phần 4. Các phụ lục)

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 16. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Mẫu số 17. Biểu mẫu hợp đồng

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

(Người thực hiện chọn biểu mẫu hợp đồng phù hợp từ kho dữ liệu của VSP)

Biểu mẫu hợp đồng
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

SỐ: VT /26-YTE

V/v: Mua vật tư y tế tiêu hao dùng chung đợt 1 năm 2026

Đơn hàng số: VT1548/26-YTE-TTH (90.TTYT-0052/26-YTE-TVT); MTC: 08.03.01.00.00

Theo nhu cầu của Trung tâm y tế thuộc Liên doanh Việt –Nga Vietsovpetro và khả năng cung cấp của Công ty (....).

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, chúng tôi đại diện cho các Bên ký Hợp đồng này gồm có:

Bên A: LIÊN DOANH VIỆT- NGA VIETSOVPETRO – TRUNG TÂM Y TẾ

Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, TP. Vũng Tàu.

Tài khoản: 008.100.000001.1- Tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN.Vũng Tàu.

Điện thoại: 0254-3839871

Fax: 0254-3576833

Mã số thuế: 3500102414

Do ông: **NGUYỄN VĂN HIỆP** – Giám đốc Trung tâm Y tế thuộc Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro làm đại diện theo Giấy ủy quyền số: 121/UQ –PL ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Tổng giám đốc Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro.

Bên B:

Địa chỉ:

Tài khoản số:

Điện thoại:

Fax:

Mã số thuế:

Do ông: - Giám đốc làm đại diện.

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng này với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý “**Mua vật tư y tế tiêu hao dùng chung đợt 1 năm 2026**” (sau đây gọi tắt là “hàng” hoặc “hàng hóa”) với số lượng, chủng loại, hàm lượng, hãng, nước sản xuất, quy cách đóng gói, đơn giá, giá trị hàng hóa theo danh mục cụ thể như sau:

STT	STT/ ĐH	DANH MỤC HÀNG HÓA -YẾU CẦU KỸ THUẬT	HÃNG NƯỚC SX- MÃ HÀNG HÓA	ĐVT	S.L	ĐƠN CHƯA GỒM VAT (VND)	GIÁ BAO VAT (VND)	ĐƠN BAO VAT (VND)	GIÁ GỒM	THÀNH TIỀN ĐẢ BẢO GỒM VAT (VND)	HSD	THUẾ (%)
Tổng giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT)												

1.2 Hàng hóa của Hợp đồng này được Bên A sử dụng cho hoạt động tại Lô 09-1

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

2.1 Tổng giá trị Hợp đồng theo điều kiện giao hàng tại kho của Bên A (đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế, phí khác (nếu có)) là: , trong đó:

- Giá trị hàng hóa: đồng
 - Giá trị thuế GTGT (%): đồng
- 2.2 Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT của Hợp đồng là cố định và không thay đổi trong suốt thời gian Hợp đồng có hiệu lực. Tổng giá trị Hợp đồng được tính trên cơ sở số lượng hàng hóa cung cấp thực tế, đơn giá của Hợp đồng và giao hàng tại kho của Bên A số 02 Pasteur, Phường Tam Thẳng, TP. HCM, bao gồm giá trị hàng hóa, thuế GTGT và các loại thuế, phí, lệ phí do Bên B chi trả như phí vận chuyển, đóng gói, bốc xếp, bảo hành, giám định hàng hóa trước khi gửi hàng (nếu có),... và tất cả các chi phí khác liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này.
- 2.3. Giá trị thuế GTGT được thanh toán theo Luật thuế GTGT và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước liên quan đến thuế GTGT (nếu có) tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU 3: QUY CÁCH, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

- 3.1 Quy cách, số lượng, chất lượng, chủng loại, hãng sản xuất, nước sản xuất, hạn sử dụng và những thông số khác của hàng hóa do Bên B cung cấp phải phù hợp với quy định nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Hàng hóa phải chính hãng, mới 100%, chưa qua sử dụng.
- 3.2 Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh đối với hàng hóa kém chất lượng, phản ứng có hại của hàng hóa phát sinh trong quá trình sử dụng:
- 1) Trong vòng 05 ngày lịch kể từ ngày phát hiện, Bên A thông báo cho Bên B về các hư hỏng, khuyết tật, hàng hóa kém chất lượng, phản ứng có hại của hàng hóa phát sinh trong quá trình sử dụng (sau đây gọi là “các hư hỏng của hàng hóa”);
 - 2) Trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo của Bên A, Bên B phải đề xuất phương án tiến hành khắc phục cho các hư hỏng của hàng hóa; Bên B phải chịu toàn bộ mọi chi phí liên quan đến việc khắc phục các hư hỏng của hàng hóa;
- 3.3 Thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không bảo đảm chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không phải do lỗi của Bên A.
- 3.4 Hồ sơ kèm theo hàng hóa gồm:
- Đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa là vật tư y tế theo quy định:
- 3.4.1 Cung cấp Chứng chỉ xuất xứ do Phòng công nghiệp thương mại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp đối với hàng nhập khẩu hoặc Giấy phép lưu hành sản phẩm được Bộ y tế cấp hoặc Giấy công bố phân loại thiết bị y tế của cơ quan có thẩm quyền cấp, một trong các bản sau: Bản gốc hoặc Bản sao y công chứng hoặc Bản sao y có xác nhận của nhà cung cấp hoặc Bản điện tử có đường dẫn để kiểm chứng.
 - 3.4.2 Cung cấp Chứng chỉ chất lượng, một trong các bản sau: Chứng chỉ phù hợp (Certificate of Compliance) hoặc Giấy chứng nhận kiểm nghiệm (Inspection Certificate) hoặc Giấy chứng nhận phân tích (Certificate of Analysis) hoặc Giấy chứng nhận ISO do nhà sản xuất cấp: Bản gốc hoặc Bản sao y công chứng hoặc Bản sao y có xác nhận của nhà cung cấp hoặc Bản điện tử có đường dẫn để kiểm chứng.
 - 3.4.3 Cung cấp Giấy bảo hành của Nhà cung cấp: Bản gốc.
 - 3.4.4 Các chứng chỉ thử nghiệm khác (nếu có).
- Đối với hàng hóa sản xuất trong nước hoặc hàng hóa thông thường quy định theo Điều 4, TT 05/2022/TT-BYT:
- 3.4.5 Cung cấp Bản cam kết về nguồn gốc và chất lượng hàng hóa của Nhà cung cấp: Bản gốc
 - 3.4.6 Cung cấp Giấy bảo hành của Nhà cung cấp: Bản gốc.
 - 3.4.7 Các chứng chỉ thử nghiệm khác (nếu có).

- 3.5 Hồ sơ Yêu cầu của Bên A và Hồ sơ đề xuất của Bên B cho gói thầu là tài liệu tham chiếu về kỹ thuật cho hàng hóa của Hợp đồng này.

ĐIỀU 4: GIAO NHẬN, KIỂM TRA VÀ GIÁM ĐỊNH HÀNG HÓA

- 4.1 Thời gian thực hiện Hợp đồng: Kể từ ngày ký Hợp đồng cho đến hết ngày 31/12/2026. Hàng hóa được giao phải phù hợp với yêu cầu theo quy định tại Điều 1 và Điều 3 của Hợp đồng này. Ngày giao nhận hàng của Hợp đồng này được ghi trong Biên bản giao nhận hàng do đại diện hai Bên ký xác nhận theo quy định tại Điều 4.6.
- 4.2 Hàng hóa và chứng từ được giao thành từng đợt vào kho của Bên A tại số 02 Pasteur, Phường Tam Thắng, Thành phố HCM (Người liên hệ: Đặng Phương Linh- Phụ trách kho Vật tư; Tel: 0254.3839871 Ext: 8326; Email: Linhdp.mc@vietsov.com), haivd.mc@vietsov.com.vn, cụ thể như sau:
- 1) Bên B giao hàng trong vòng 15 ngày lịch kể từ ngày nhận được công văn đặt hàng của Bên A có danh mục, số lượng từng loại hàng hóa chi tiết.
 - 2) Trong thời hạn giao hàng có hiệu lực được quy định trong Công văn đặt hàng, nếu Bên B không có văn bản xác nhận lại danh mục và số lượng hàng thực tế sẽ giao cho Bên A, thì danh mục và số lượng hàng hóa theo công văn đặt hàng của Bên A sẽ là cơ sở để Bên A áp dụng Điều 6 - Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và cũng là cơ sở để hai Bên thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ liên quan theo quy định của hợp đồng.
 - 3) Trong trường hợp đặc biệt nếu Bên A có nhu cầu giao hàng gấp trong vòng ba ngày thì Bên B phải có trách nhiệm hỗ trợ tối đa.
- 4.3 Hàng hóa phải được vận chuyển theo đúng điều kiện quy định về vận chuyển, bảo quản và phải đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ, tránh đổ, vỡ, hư hỏng. Trong trường hợp hàng hóa do bên B cung cấp không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, không đạt chất lượng, thì bên B phải chịu trách nhiệm thu hồi và cung cấp lại hàng hóa đạt kỹ thuật, chất lượng theo nội dung thông tin của Hợp đồng.
- 4.4 Bên B cam kết giao hàng và hồ sơ kèm theo hàng hóa đúng theo quy định của Hợp đồng này. Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu Bên B giao hàng và các hồ sơ, chứng từ không đúng quy định của Hợp đồng. Mọi chi phí phát sinh do việc giao chậm, giao không đầy đủ các hồ sơ này sẽ do Bên B chi trả.
- 4.5 Trong vòng tối thiểu ba (03) ngày trước khi giao hàng, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết về số lượng, quy cách đóng gói hàng hóa để Bên A bố trí nhân lực nhận hàng. Thông báo giao hàng và chứng từ phải nêu rõ:
- Loại hàng hóa giao, bao gồm số lượng, khối lượng và quy cách đóng gói hàng hóa, quy trình bốc dỡ hàng hóa (khi cần thiết),
 - Những hướng dẫn đặc biệt cần lưu ý để Bên A biết khi bốc dỡ,
 - Thông tin về nhân viên giao hàng của Bên B (Họ tên, số điện thoại liên hệ...)
 - Văn bản thông báo được gửi theo cách thức quy định tại Điều 12.1 của Hợp đồng này.
- 4.6 Đại diện của Bên A và đại diện của Bên B tham gia giao nhận, kiểm tra hàng hóa của Hợp đồng và lập Biên bản giao nhận hàng theo quy định tại Phụ lục số 01 của Hợp đồng này, trong đó ghi rõ số lượng, tình trạng, các hồ sơ giao kèm theo hàng hóa. Ngày giao nhận hàng là ngày Bên B giao đầy đủ hàng hóa và các chứng từ vào kho của Bên A. Biên bản này do Bên A lập và trình Lãnh đạo của Bên A phê duyệt. Biên bản giao nhận hàng là căn cứ để Bên A thanh toán cho Bên B.

- 4.7 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên B gặp khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc cung cấp hàng thì Bên B cần khẩn trương thông báo bằng văn bản cho Bên A biết để hai Bên phối hợp xem xét xử lý nhằm đảm bảo việc cung cấp hàng hóa cho Bên A theo đúng chất lượng và tiến độ của Hợp đồng.
- 4.8 Trong trường hợp cần thiết, bằng chi phí của mình, Bên A có quyền trưng cầu cơ quan giám định độc lập tham gia giám định hàng hóa. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ khi kết thúc giám định, cơ quan giám định độc lập cung cấp Chứng thư giám định tình trạng và số lượng hàng hóa. Chứng thư giám định hàng hóa là căn cứ pháp lý để Bên A khiếu nại Bên B.
- 4.9 Bên A có quyền từ chối nhận lô hàng không đảm bảo chất lượng như ghi ở điều 1.1, 3.1, 3.2 của hợp đồng này mà không phải bồi thường cho Bên B bất cứ một khoản chi phí nào.

ĐIỀU 5: BAO BÌ, ĐÓNG GÓI VÀ KÝ MÃ HIỆU

- 5.1 Hàng hóa giao theo Hợp đồng này phải được đóng trong bao bì thích hợp theo tiêu chuẩn xuất khẩu, bảo đảm cho hàng hóa không bị hư hại trong quá trình vận chuyển và thuận tiện cho việc bốc xếp, bốc dỡ.
- 5.2 Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp hàng hóa bị mất mát, hư hỏng do thiếu sót trong việc đóng gói hàng hóa.
- 5.3 Hàng hoá có thể được ghi rõ ràng bằng mực, sơn không xóa được trên bề mặt hoặc in trên tấm ghi nhãn dính trên từng kiện với các thông tin sau bằng tiếng Anh và hoặc tiếng Việt:
 - Tên nhà sản xuất,
 - Tên hàng,
 - Khối lượng (nếu có),
- 5.4 Bên B chịu toàn bộ chi phí đối với mọi mất mát, hư hại của hàng hoá trong quá trình bốc xếp, bốc dỡ, vận chuyển do bao bì, đóng gói, ký mã hiệu không đúng, không đầy đủ cũng như chịu mọi chi phí vận chuyển, bảo quản, mất mát,... phát sinh do hàng hóa bị gửi nhầm địa chỉ.

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 6.1 Nếu Bên B giao bất kỳ mục hàng nào bị chậm thì Bên B phải chịu phạt 0,2%/ngày cho 10 ngày lịch chậm đầu tiên, phạt 0,3%/ngày cho những ngày lịch tiếp theo trên giá trị của phần Hợp đồng bị vi phạm, cho đến mức tổng số tiền phạt không quá 08% tổng giá trị của Hợp đồng.
- 6.2 Nếu Bên B không giao đủ số lượng, chủng loại hàng hóa (theo quy định tại Điều 1) thì Bên B vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo Hợp đồng này và phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% của phần Hợp đồng bị vi phạm.
- 6.3 Nếu Bên B giao hàng chậm quá sáu mươi (60) ngày lịch so với thời gian quy định tại Điều 4.1 của Hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng, và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% của phần Hợp đồng bị vi phạm
- 6.4 Trong trường hợp Bên B không giao/giao thiếu bất kỳ một mục hàng nào thì Bên B phải chịu phạt với mức 08% của phần Hợp đồng bị vi phạm, và khi đó tùy thuộc vào quyết định của mình, Bên A có quyền nhận hoặc từ chối nhận các mục hàng còn lại.
- 6.5 Nếu Bên B giao hàng không đảm bảo chất lượng như quy định tại Điều 3 của Hợp đồng thì Bên A sẽ không nhận hàng và phạt Bên B theo mức phạt không giao đủ hàng như quy định tại Điều 6.2 của Hợp đồng này. Bên A có quyền chấp nhận/ không chấp nhận việc Bên B sẽ cung cấp hàng mới thay thế cho hàng không đảm bảo chất lượng nêu trên.
- 6.6 Vi phạm do cung cấp chậm hoặc cung cấp không đủ hàng hóa:

Nếu Bên B giao hàng chậm toàn bộ hoặc một phần hàng hóa quá 60 ngày lịch so với thời gian quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, thì Bên A tùy thuộc vào quyết định của mình và không bị ràng buộc bởi quy định tại Điều 6.2, có quyền:

- 1) Chỉ định bên thứ ba có khả năng cung cấp hàng hóa. Trong trường hợp đó Bên B có trách nhiệm ký hợp đồng với bên được chỉ định để tiếp tục thực hiện công việc cung cấp cho Bên A; hoặc
 - 2) Trực tiếp ký hợp đồng mua hàng/hàng hóa kèm dịch vụ của bên thứ ba để tiếp tục thực hiện công việc của Hợp đồng. Trong trường hợp đó Bên B phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có; hoặc
 - 3) Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% tổng giá trị của phần Hợp đồng bị vi phạm.
- 6.7 Tổng giá trị các loại phạt không vượt quá 08% tổng giá trị của Hợp đồng.
- 6.8 Giá trị để tính phạt vi phạm Hợp đồng ghi ở Điều 6 của Hợp đồng này là giá trị không bao gồm thuế GTGT và đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí khác (nếu có).
- 6.9 Để thu hồi khoản tiền phạt vi phạm, Bên A sẽ toàn quyền:
- 1) Khấu trừ khoản tiền phạt vi phạm từ các khoản tiền mà Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tại Hợp đồng này hoặc theo các hợp đồng khác được ký kết giữa hai Bên;
 - 2) Yêu cầu Ngân hàng cấp Giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng thanh toán ngay khoản tiền Bên B mở bảo đảm cho Bên A;
 - 3) Bằng văn bản, yêu cầu Bên B thanh toán. Trong mọi trường hợp, Bên B cam kết nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho Bên A.
- 6.10 Việc bồi thường thiệt hại (nếu có) được thực hiện theo quy định của Hợp đồng này và pháp luật Việt Nam hiện hành.

ĐIỀU 7: BẢO HÀNH

- 7.1 Bên B chịu trách nhiệm bảo hành chất lượng hàng hóa tương đương với hạn sử dụng, như quy định trong bảng danh mục ở Điều 1.1, kể từ ngày giao nhận hàng hóa của Hợp đồng này. Điều kiện bảo hành theo đúng tiêu chuẩn bảo hành của nhà sản xuất.
- 7.2 Trong thời gian bảo hành nếu Bên A phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng hàng hóa thì Bên A sẽ thông báo kịp thời bằng fax/email cho Bên B biết để cùng nhau xác minh. Việc xác minh sai sót về chất lượng phải được Bên B tiến hành không chậm quá 15 ngày lịch kể từ ngày Bên B nhận được thông báo. Việc xác minh phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ kết luận về nguyên nhân gây ra hư hỏng, xác định trách nhiệm thay thế hàng mới hay sửa chữa các hư hỏng đó thuộc về Bên nào và thời hạn thay thế hoặc sửa chữa để làm căn cứ pháp lý trong thực hiện Hợp đồng này.
- 7.3 Tùy mức độ hư hỏng, nhưng không quá 15 ngày lịch kể từ ngày có kết luận về nguyên nhân hư hỏng, sai sót về chất lượng hàng hóa do lỗi của Bên B thì Bên B phải tiến hành khắc phục/ sửa chữa các sai sót về chất lượng hoặc đổi lại hàng mới cho Bên A.
- 7.4 Trong thời hạn bảy (07) ngày lịch kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A, nếu Bên B không trả lời thì coi như đã chấp nhận có sai sót về chất lượng hàng do lỗi của mình và có trách nhiệm phải khắc phục/sửa chữa các sai sót đó hoặc đổi lại hàng mới ngay trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.
- 7.5 Nếu Bên B tiến hành sửa chữa/ khắc phục hoặc đổi lại hàng mới bị chậm so với thời hạn quy định tại các Điều 7.3 và 7.4 của Hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt theo mức phạt giao hàng chậm theo quy định tại Điều 6.1 của Hợp đồng này.

- 7.6 Trong thời hạn quy định trên tại Điều 7 của Hợp đồng này, nếu Bên B không tiến hành khắc phục/ sửa chữa các sai sót về chất lượng do lỗi của mình hoặc đổi lại hàng mới thì Bên A có quyền tiến hành khắc phục/sửa chữa và/hoặc thay mới và Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ chi phí khắc phục/sửa chữa/thay mới này, đồng thời phải chịu phạt 08% giá trị của mặt hàng này. Cách thức Bên A thu hồi tiền phạt từ Bên B được thực hiện theo quy định tại Điều 6.9 của Hợp đồng này.
- 7.7 Hàng hóa sau khi được Bên B sửa chữa/ khắc phục/ thay mới trong thời kỳ bảo hành sẽ được Bên B bảo hành lại 12 tháng kể từ ngày giao nhận hàng hóa đã sửa chữa/ khắc phục/ thay mới (có Biên bản giao nhận hàng theo quy định tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này).

ĐIỀU 8: THANH TOÁN

- 8.1 Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hàng hóa đã giao theo từng đợt phù hợp với các Điều khoản của Hợp đồng bằng phương thức chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ gồm:
- 1) Hóa đơn điện tử thuế GTGT ghi theo từng loại thuế suất thuế GTGT phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, trong hóa đơn ghi đầy đủ thông tin của Bên A như sau:
 - Tên người mua hàng: **Trung Tâm Y Tế Vietsovpetro**
 - Tên đơn vị: **Liên doanh Việt–Nga Vietsovpetro**
 - Mã số thuế: **3500102414**
 - Địa chỉ: **105 Lê Lợi, Phường Vũng tàu, TP. HCM**
 - Theo quy định của cơ quan thuế hóa đơn điện tử cần có các thông tin sau:
 - Địa chỉ website để truy cập, tra cứu và mã tra cứu.
 - Thông tin về đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử cho Bên B.
 - Thông báo của cơ quan thuế về việc chấp nhận đăng ký hóa đơn điện tử.
- 2) Bản gốc Biên bản giao nhận hàng (theo quy định tại Điều 4.5 của Hợp đồng này);
- 3) Các chứng từ liên quan của hàng hóa (theo quy định tại Điều 3.4 của Hợp đồng này);
- 8.2 Bên A chỉ thanh toán cho Bên B theo giá trị đã thực hiện có tính đến sự phù hợp với các quy định trong các Điều khoản của Hợp đồng này và các văn bản thỏa thuận khác liên quan đến Hợp đồng do cấp có thẩm quyền của hai Bên ký duyệt.
- 8.3 Thông tin về tài khoản thanh toán của Bên B được ghi ở trang đầu của Hợp đồng này là duy nhất và được áp dụng trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Bên A không thanh toán vào bất kỳ tài khoản nào khác khi chưa có ý kiến bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật của Bên B.
- 8.4 Phí chuyển tiền do Bên chuyển tiền chịu.

ĐIỀU 9: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 9.1. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc sau ngày ký Hợp đồng (ghi tại trang 01 của Hợp đồng), Bên B phải nộp Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng (theo quy định tại Phụ lục số 02 của Hợp đồng này) được cấp bởi Ngân hàng có uy tín và được Bên A chấp nhận. Giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng bằng 3% giá trị hợp đồng. Giấy bảo lãnh này có hiệu lực bằng thời hạn thực hiện Hợp đồng quy định tại Điều 4.1 Hợp đồng này cộng thêm 60 ngày lịch.
- 9.2. Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng do Bên B chịu.

- 9.3. Trong thời gian quy định tại Điều 9.1 nêu trên, Bên B phải nộp bản gốc Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên A. Nếu sau thời hạn quy định tại Điều 9.1 nêu trên, Bên A không nhận được Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng thì Bên A có toàn quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ chi phí nào liên quan và thu hồi số tiền bảo đảm dự thầu của Bên B hoặc áp dụng quy định tại Điều 6.9 của Hợp đồng này.
- 9.4. Bên B không được nhận lại giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B từ chối hoặc không thực hiện Hợp đồng sau khi ký Hợp đồng.
- 9.5. Trong trường hợp Bên B vi phạm trách nhiệm thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này thì khoản tiền bảo đảm thực hiện Hợp đồng được Bên A dùng để khấu trừ tiền phạt.
- 9.6. Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng thực hiện sửa đổi Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Giấy bảo đảm này vì lý do chậm giao hàng hoặc gia hạn thời hạn giao hàng, đồng thời gửi ngay cho Bên A Giấy bảo đảm đã gia hạn hiệu lực này. Trường hợp Bên B chậm gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo yêu cầu bằng văn bản của Bên A thì Bên B phải chịu phạt 0,2% giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho mỗi ngày chậm. Tổng giá trị phạt không vượt quá 08% giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

ĐIỀU 10: BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, bão, lốc xoáy, động đất, sóng thần), hỏa hoạn, dịch bệnh (Epidemic, Pandemic) được WHO/Quốc gia công bố, lệnh phong tỏa Vùng/Quốc gia do Chính quyền sở tại áp đặt.
- 10.2. Bên gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến việc không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải ngay lập tức thông báo cho Bên kia biết, bao gồm cung cấp thông tin, giải trình về sự ảnh hưởng trực tiếp của sự kiện bất khả kháng đến việc vi phạm thực hiện Hợp đồng kèm chứng cứ để chứng minh, nêu rõ các biện pháp đã được thực hiện để khắc phục vấn đề và giảm thiểu tổn thất. Việc chậm thông báo, cung cấp thông tin và giải trình nếu trễ hơn 14 ngày lịch sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra sẽ làm cho Bên gặp sự kiện bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.
- 10.3. Văn bản xác nhận của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
- 10.4. Nếu bất kỳ một sự kiện bất khả kháng nào xảy ra, ngăn cản một Bên thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo Hợp đồng này thì thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian mà sự kiện bất khả kháng diễn ra.
- 10.5. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn hai (02) tháng, mỗi Bên thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại, đều có quyền chấm dứt Hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho Bên kia.
- 10.6. Các khó khăn trong sản xuất như thiếu vật tư, điện, nhân công, đình công... không được coi là sự kiện bất khả kháng và không miễn cho Bên B nghĩa vụ giao hàng hoặc giao hàng muộn; các thông tin từ trang báo, mạng và các phương tiện truyền thông khác chỉ mang tính chất tham khảo.

ĐIỀU 11: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 11.1. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai Bên trên tinh thần hợp tác, hai Bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau. Thời gian để hai Bên tiến hành thương lượng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp giữa hai Bên.
- 11.2. Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (“VIAC”) tại Thành phố Hồ Chí Minh để phân xử theo Quy tắc tố tụng của Trung tâm này. Phán quyết của Trung tâm trọng tài là cuối cùng và buộc hai Bên phải tuân thủ. Mọi chi phí liên quan đến tranh chấp này sẽ do Bên thua kiện gánh chịu.

ĐIỀU 12: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 12.1. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai Bên. Mọi giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp đồng được các Bên thực hiện bằng văn bản và gửi theo cách thức như sau:
- 1) Theo đường bưu chính hoặc Fax: theo thông tin của các Bên được ghi tại trang đầu của Hợp đồng này, và
 - 2) Theo thư điện tử (email): thanhnh.gm@vietsov.com.vn, huongpt.mc@vietsov.com.vn (thư ký, văn thư), haivd.mc@vietsov.com.vn.
- 12.2. Những điều không quy định hoặc quy định không đầy đủ trong Hợp đồng này sẽ căn cứ vào luật pháp Việt Nam hiện hành.
- 12.3. Không Bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia.
- 12.4. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trường hợp xảy ra tranh chấp thì các văn bản dẫn chiếu được xem xét theo thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:
- 1) Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng;
 - 2) Thư chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao Hợp đồng;
 - 3) Báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt;
 - 4) Các văn bản liên quan đến việc hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
 - 5) Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ Hồ sơ dự thầu (nếu có) của Nhà thầu;
 - 6) Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi Hồ sơ mời thầu (nếu có).
- 12.5. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký ghi ở trang 1 cho đến khi hai Bên thực hiện hết các trách nhiệm của mình theo quy định của Hợp đồng.
- 12.6. Hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, nếu hai Bên không có khiếu nại gì coi như Hợp đồng đã được thanh lý.
- 12.7. Hợp đồng gồm trang và 02 Phụ lục (Phụ lục số 01: Biên bản giao nhận hàng hóa, Phụ lục số 02: Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng) được lập thành 03 bản bằng tiếng Việt (có sử dụng tiếng Anh mô tả hàng hóa tại Điều 1), các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC SỐ 01

TRUNG TÂM Y TẾ VSP

“PHÊ DUYỆT”
Lãnh đạo TTYT

Ngày ____ / ____ / ____

MẪU BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Ngày: ... / ... /

Căn cứ Hợp đồng số: ký ngày .../.../
Chúng tôi, những người ký tên dưới đây gồm:

1. Đại diện bên giao: C.Ty

- Ông: chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trung tâm Y tế Vietsovpetro

- Ông: Chức vụ:

- Ông: chức vụ:

- Ông: chức vụ:

- Ông: chức vụ:

Cùng nhau tiến hành kiểm tra và giao nhận hàng hóa sau đây tại kho TTYT:

STT	TÊN HÀNG, KÝ MÃ HIỆU, QUY CÁCH	Nhà sx/ xx	ĐVT	THỰC NHẬN		CHẤT LƯỢNG HÀNG	GHI CHÚ
				SỐ LƯỢNG	HẠN SỬ DỤNG		
1
			
n			

Chứng từ phù hợp kèm theo:

.....

Biên bản này được lập thành 02 bản chính, mỗi bên giữ 01 bản và chỉ có giá trị làm thủ tục thanh toán sau khi được lãnh đạo TTYT phê duyệt.

Đại diện bên giao
(Ký xác nhận ghi rõ họ tên)

Đại diện bên nhận
(Ký xác nhận ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 02

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

...., ngày...tháng...năm...

Kính gửi:

Liên quan tới Hợp đồng _____ về việc _____ (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) được ký giữa _____ (sau đây gọi là “BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH”) và _____ (sau đây gọi là “BÊN THỤ HƯỞNG”), chúng tôi, _____ có trụ sở chính tại _____ (sau đây gọi là “BÊN BẢO LÃNH”) phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện cho bên thụ hưởng với số tiền là _____ (Bằng chữ: _____) (sau đây gọi là “THƯ BẢO LÃNH”).

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến _____ sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH cam kết **không hủy ngang và vô điều kiện** thanh toán ngay cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG ghi rõ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Sau Ngày hết hiệu lực, THƯ BẢO LÃNH này sẽ tự động không còn giá trị cho dù bản gốc THƯ BẢO LÃNH và các Thư sửa đổi liên quan (nếu có) có được gửi trả lại BÊN BẢO LÃNH hay không.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào. BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) tại Thành phố Hồ Chí Minh để phân xử theo Quy tắc tố tụng Trọng tài của VIAC.

THƯ BẢO LÃNH này được phát hành duy nhất 01 (một) bản tiếng Việt và không được phép chuyển nhượng.

NGÂN HÀNG BẢO LÃNH

(Ký tên và đóng dấu)

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Chương này bao gồm các tài liệu: Phạm vi cung cấp, Yêu cầu kỹ thuật, Tiêu chí đánh giá kỹ thuật và Các tài liệu kỹ thuật khác + đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).

Đính kèm:

- DANH MỤC/ PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA: (02 TRANG)
- YÊU CẦU KỸ THUẬT: (25 TRANG)
- TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT: (02 TRANG)

LD VIỆT-NGA VIETSOVPETRO
TRUNG TÂM Y TẾ

THỎA THUẬN
P. GIÁM ĐỐC

Signed by: Phạm Văn Bảy
Date: 19/04/2026 14:56:36
Certified by: Vietsovpetro CA

“PHÊ DUYỆT”
GIÁM ĐỐC

Signed by: Nguyễn Văn Hiệp
Date: 20/04/2026 07:38:07
Certified by: Vietsovpetro CA

YÊU CẦU KỸ THUẬT
VỀ CUNG CẤP VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO DÙNG CHUNG ĐỢT 1 NĂM 2026

I. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG:

1.1. Mục đích sử dụng:

- Sử dụng trong công tác khám sức khỏe và khám chữa bệnh cho CBCNV Vietsovpetro.

1.2. Điều kiện môi trường sử dụng:

+ Nhiệt độ: Từ 20°C đến 30°C

+ Độ ẩm tương đối lên đến 80 %.

II. YÊU CẦU CHUNG:

2.1. Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp: Nhà thầu phải có giấy phép kinh doanh phù hợp.

2.2. Yêu cầu đối với hàng hóa: Hàng hóa chưa qua sử dụng, mới 100%, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hạn sử dụng của hàng hóa của theo quy định tại mục IV được tính từ kể từ ngày giao hàng.

2.2.2. Nhà thầu cam kết thu hồi hoặc đổi trả hàng trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

2.2.3. Hạn sử dụng vật tư: Phải đáp ứng đúng với từng loại vật tư được nêu chi tiết tại mục IV

2.3. Yêu cầu đối với cung cấp thông tin về hàng hóa trong HSĐX:

2.3.1. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ thông tin kỹ thuật và các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh như: thông tin sản phẩm (catalogue, brochure), dữ liệu kỹ thuật... dưới dạng văn bản phù hợp cho từng nội dung yêu cầu kỹ thuật của từng mặt hàng dự thầu.

2.3.2. Bảng danh mục hàng hóa chào về kỹ thuật phải có đầy đủ các cột thể hiện nội dung sau: Số thứ tự của hàng hóa dự thầu; Số thứ tự trong HSMT; Tên hàng hóa trong HSMT; Tên hàng hóa dự thầu; Đơn vị tính; Quy cách đóng gói; Ký mã hiệu sản phẩm; Hãng sản xuất; Nước sản xuất; Số lượng; Hạn sử dụng tối thiểu và mã nhóm, tên nhóm hàng hóa bảo hiểm y tế.

III. QUY ĐỊNH CHUNG:

3.1. Hàng hóa phải được đóng gói đúng quy cách bởi nhà sản xuất, trên sản phẩm phải có đầy đủ các thông tin về sản phẩm, hãng sản xuất, nơi sản xuất, dung tích/số lượng, hạn sử dụng theo quy định của Bộ y tế.

3.2. Yêu cầu đối với tùy chọn mua thêm: Trong trường hợp TTYT có nhu cầu bổ sung khối lượng hàng hóa (không quá 30%), TTYT được quyền mua thêm trong quá trình thực hiện hợp đồng.

IV. SỐ LƯỢNG VẬT TƯ - HÓA CHẤT VÀ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG

4.1. Số lượng vật tư - hóa chất: Theo Bảng danh mục số lượng hàng hóa (đính kèm).

4.2. Yêu cầu kỹ thuật đối với vật tư

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
Nhóm 1. Dung dịch sát khuẩn		
1.	Nước Javel 11%	- Dung dịch Natri hypochloride 8% ~ 11%, trong suốt, màu vàng nhạt, mùi hắc hoặc tương đương - HSD: ≥ 6 Tháng
2.	Dung dịch rửa dụng cụ sử dụng cho máy rửa khử khuẩn Belimed	- Thành phần: Sodium Xylenesulphonate (trong khoảng Monopropylene Glycol, Subtilisin hoặc tương đương, sử dụng cho các máy rửa khử khuẩn của hãng Belimed. - Đặc tính: Chất lỏng xanh nhạt có mùi dễ chịu - pH: trong khoảng 10.4 - 10.6 (không pha loãng) - Dung dịch thích hợp để loại bỏ các chất gây ô nhiễm protein và hữu cơ khỏi các vật liệu dụng cụ nhạy cảm - Không tạo bọt, thích hợp cho rửa thủ công và tự động. - Sử dụng hỗn hợp 5 enzyme và chất hoạt động bề mặt. - pH nhẹ không ăn mòn vật liệu. - Tỉ trọng: 1,06 - 1,08 g/cm ³ - HSD: ≥ 12 Tháng
3.	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	- Hoạt chất Ortho-Phthaldehyde: 0,55% và thành phần trợ: 99,45% hoặc tương đương - Dung dịch được sử dụng để khử khuẩn mức độ cao cho các dụng cụ y tế bán thiết yếu sử dụng nhiều lần, nhạy cảm với nhiệt. - Dùng để khử khuẩn các dụng cụ nội soi bằng máy rửa, khử khuẩn ống nội soi. - HSD: ≥ 12 Tháng
4.	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	- Tẩy rửa dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và các dụng cụ y tế khác bằng cách ngâm, bồn rửa siêu âm hoặc máy rửa dụng cụ tự động hoặc tương đương - Hoạt chất: 5% Protease Enzyme + Detergent (chất tẩy rửa) hoặc tương đương - Độ nhớt (dung dịch nguyên chất) tối thiểu: 10 mPa.s - Tỉ trọng tối thiểu: trong khoảng 1.114 - 1.116 - Quy cách: Can 5 lít - HSD: ≥ 12 Tháng
5.	Viên nén khử khuẩn	- Diệt khuẩn nhanh, phổ tác dụng rộng có tác dụng đối

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		<p>với tất cả các loại vi khuẩn sinh dưỡng, nấm, virus và nha bào. Sử dụng để khử khuẩn bề mặt, đồ vải, đồ thủy tinh và các thiết bị phòng mổ, phòng đẻ, phòng bệnh, các labo xét nghiệm cũng như trong khử khuẩn bệnh viện nói chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: nhóm nước G7 hoặc EU. - Quy cách: Hộp/100 viên - HSD: ≥ 12 Tháng
6.	Dung dịch rửa tay nhanh	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Ethanol $\geq 70.0\%$ - Không mùi - HSD: ≥ 12 Tháng
Nhóm 2. Bông, băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương		
7.	Bông vuông tiệt trùng	<ul style="list-style-type: none"> - Bông y tế làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton và được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi, hút nước tốt. - Tiệt trùng (khí EO) hoặc tương đương - KT: 2-3cm x 2-3 cm - Quy cách: Gói/50g - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
8.	Bông y tế 25g	<ul style="list-style-type: none"> - Được làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton, màu trắng, không mùi. - Quy cách: Gói/25g - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
9.	Bông cuộn không thấm nước y tế 1kg	<ul style="list-style-type: none"> - Được làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton, màu trắng, không mùi. - Không thấm nước, không hút dịch như bông hút nước. - Không mùi lạ, không lẫn tạp chất, không chứa xơ cứng, lá, vỏ hạt hoặc bụi bần nhìn thấy bằng mắt thường. - Quy cách: Gói/1kg - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
10.	Băng cuộn hữu trùng 7cm x 5m	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên liệu: gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, hút nước. Sợi chắc, mịn, không mùi, màu trắng tự nhiên hoặc tương đương - KT: 6-9cm x ≥ 5m - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
11.	Băng cuộn hữu trùng 10cm x 5m	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên liệu: gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, hút nước. Sợi chắc, mịn, không mùi, màu trắng tự nhiên hoặc tương đương

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		<ul style="list-style-type: none"> - KT: 9-11cm x \geq 5m - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: \geq 12 Tháng
12.	Băng cuộn hữu trùng 14 cmx7m	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên liệu: gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, hút nước. Sợi chắc, mịn, không mùi, màu trắng tự nhiên hoặc tương đương - KT: 13-16cm x \geq 7m - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: \geq 12 Tháng
13.	Băng dính lụa cuộn 1.25cm x 5m	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp nền: Vải dệt từ cellulose acetate 100% - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP. - Kích thước: 1.25cm x \geq 5m - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: \geq 12 Tháng
14.	Băng dính lụa cuộn 5cm x 5m	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp nền: Vải dệt từ cellulose acetate 100% - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP. - Kích thước: 5cm x \geq 5m - Chứng nhận ISO 13485 hoặc tương đương - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: \geq 12 Tháng
15.	Băng keo vải cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp nền: Sợi vải đàn hồi 70% Viscose và 30% Polyamide - Keo kết dính nóng chảy: Kẽm Oxide, hỗn hợp SIS/SI, dầu khoáng trắng, Lanolin,... Độ nhớt 6,600 – 10,600 cP. - Lớp thấm hút : Lớp thấm hút: 75% Viscose, 25% Polypropylene/Polyethylene - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: \geq 12 Tháng
16.	Băng thun 10cm x 4,5m	<ul style="list-style-type: none"> - Băng thun màu trắng, sợi polyester, spandex và sợi cotton, trọng lượng 90 g/m², co giãn 200%, có kiểm tra vi sinh hoặc tương đương - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: \geq 12 Tháng
17.	Băng thun có keo cố định khớp 8cm x 4.5m	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nền: Thường là vải cotton 100% hoặc hỗn hợp cotton và polyamide để đảm bảo độ thông thoáng cho da. - Lớp keo: Sử dụng keo Zinc Oxide (Oxit kẽm) không dùng dung môi. Ưu điểm là độ bám dính tốt, ít gây kích ứng và hạn chế nguy cơ phản ứng da.

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc bề mặt: Thường có các lỗ nhỏ li ti (porous) để giúp da "thở", tránh tình trạng hầm bí khi băng bó lâu ngày - Kích thước: Rộng 8cm, dài 4.5m (thường là chiều dài khi kéo giãn tối đa). - Độ co giãn: Tối thiểu đạt 90% hoặc cao hơn. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
18.	Băng keo cuộn co giãn 15cmx10m	<ul style="list-style-type: none"> - Băng gạc tiệt trùng nền bằng vải không đan dệt, trọng lượng 50g/m² với 50% viscose, 50% polyester - Kích thước: 15cm x ≥ 10m - Lớp keo : trọng lượng keo phủ 43g/m². - Giấy lót có gờ dễ thao tác, có dầu silicone 62g/m², có chia kích thước. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
19.	Gạc lưới 10cmx10cm	<ul style="list-style-type: none"> - Gạc lưới Lipido-colloid (công nghệ TLC), lưới Polyester, Hydrocolloid và dầu Parafin, sáp dầu khoáng và các dẫn xuất Polymer, chuyên thay băng không đau hoặc tương đương. - Kích thước: $\geq (10\text{cm} \times 10\text{cm})$ - Độ co giãn $\geq 100\%$ - Tiệt trùng tuân thủ theo ISO 11137 hoặc tương đương - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
20.	Gạc bông đắp vết thương tiệt trùng 7cmx10cm	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên liệu: - Lớp ngoài là sợi cotton 100%, hút nước - Lớp trong là sợi bông cotton 100%, hút nước - Kích thước: $\geq (7\text{cm} \times 10\text{cm})$ - Loại: tiệt trùng (bằng khí EO) hoặc tương đương - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
21.	Gạc y tế 10x10cm	<ul style="list-style-type: none"> - Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, hút nước. Gạc được gấp thành từng miếng - Kích thước: $\geq (10\text{cm} \times 10\text{cm} \times 8 \text{ lớp})$ - Được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
22.	Gạc y tế 5 x 6,5cm	<ul style="list-style-type: none"> - Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, hút nước. Gạc được gấp thành từng miếng - Kích thước: $\geq (5\text{cm} \times 6,5\text{cm} \times 12 \text{ lớp})$ - Được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
Nhóm 3. Bơm tiêm, kim tiêm		
23.	Bơm Karman 1 van	<ul style="list-style-type: none"> - Loại: bơm hút chân không bằng tay, 1 van. - Dung tích xi lanh: 60 cc (60 ml). - Có pittông kín và gioăng cao su chữ O. - Có khả năng tạo áp lực hút chân không cao phục vụ thủ thuật hút bằng tay. - Dùng tương thích với ống hút/cannula Karman phù hợp theo cấu hình sản phẩm. - Chất liệu: vật liệu y tế, không chứa latex - HSD: ≥ 12 Tháng
24.	Bơm tiêm 1ml	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu làm bơm tiêm: Nhựa PP nguyên sinh trong suốt dùng trong y tế - Dung tích: 1ml - Chụp pittông có độ đàn hồi cao được sản xuất từ chất dẻo tổng hợp dùng trong y tế; - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Không bị gãy, không bị cong vênh, đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. - Cỡ kim 26G x1/2 - Đầu kim được bảo vệ bằng nắp nhựa. - Đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
25.	Bơm tiêm 3ml	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu làm bơm tiêm: Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP hoặc tương đương - Dung tích: 3ml - Pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Không bị gãy, không bị cong vênh, đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. - Cỡ kim: 23Gx1", 25Gx1", 25Gx5/8" - Đầu kim được bảo vệ bằng nắp nhựa. - Đóng gói đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt hoặc tương đương - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
26.	Bơm tiêm 10 ml	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu làm bơm tiêm: Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP hoặc tương đương - Dung tích: 10ml

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		<ul style="list-style-type: none"> - Pit tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Không bị gãy, không bị cong vênh, đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. - Cỡ kim: 23Gx1", 25Gx1", 25Gx5/8" - Đầu kim được bảo vệ bằng nắp nhựa. - Đóng gói đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt hoặc tương đương - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: \geq 12 Tháng
27.	Bơm tiêm nhựa 50 ml	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu làm bơm tiêm: Nhựa PP nguyên sinh trong suốt dùng trong y tế - Dung tích: 50ml - Chụp pit tông có độ đàn hồi cao được sản xuất từ chất dẻo tổng hợp dùng trong y tế; - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Không bị gãy, không bị cong vênh, đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. - Đầu kim được bảo vệ bằng nắp nhựa. - Đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: \geq 12 Tháng
28.	Kim cánh bướm G23	<ul style="list-style-type: none"> - Dây được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. - Mũi kim sắc bén. Để dây lắp vừa dây truyền dịch và bơm tiêm. - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không độc tố, không chất gây sốt. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: \geq 12 Tháng
29.	Kim lấy thuốc số 18	<ul style="list-style-type: none"> - Kim làm bằng thép không gỉ, được mạ Crom hoặc Niken, kim sắc nhọn, không gợn, vát 3 cạnh, có nắp đậy - Đế kim được làm bằng nhựa PP (Polypropylene) dùng trong y tế - Độc kim và vỉ đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim - Đầu kim được bảo vệ bằng nắp nhựa. - Sản phẩm được đóng gói dạng ép vỉ đảm bảo vô trùng, Không có độc tố DEHP, không chất gây sốt. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: \geq 12 Tháng
30.	Kim luôn tinh mạch an toàn G22	<ul style="list-style-type: none"> - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		<ul style="list-style-type: none"> - đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa - Cathether nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon hoặc tương đương. - Màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luôn có cánh, có cửa, tốc độ chảy ≥ 36ml/phút, Tốc độ chảy ≥ 2160 ml/giờ - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
31.	Kim luôn tĩnh mạch an toàn G24	<ul style="list-style-type: none"> - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa - Cathether nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon hoặc tương đương. - Màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luôn có cánh, có cửa, tốc độ chảy ≥ 36ml/phút, Tốc độ chảy ≥ 2160 ml/giờ - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
32.	Kim tiêm vô trùng 22G	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu kim 3 mặt vát làm bằng hợp kim Crôm-Nikel hoặc tương đương - Kim phủ silicon hoặc tương đương - Vật liệu: Chuôi kim bằng Polypropylene, trong suốt hoặc tương đương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
Nhóm 4. Kim châm cứu		
33.	Kim châm cứu số 3	<ul style="list-style-type: none"> - Kim châm cứu vô trùng cán bạc hoặc tương đương - Thân kim làm từ thép không gỉ. - Kết cấu giữa cán kim và thân kim kết dính chặt chẽ mang cảm giác an toàn cho người sử dụng. - Tiệt trùng bằng khí E.O hoặc tương đương. - KT: 0.30 x 25mm - HSD: ≥ 12 Tháng
34.	Kim châm cứu số 4	<ul style="list-style-type: none"> - Kim châm cứu vô trùng cán bạc hoặc tương đương - Thân kim làm từ thép không gỉ. - Kết cấu giữa cán kim và thân kim kết dính chặt chẽ mang cảm giác an toàn cho người sử dụng. - Tiệt trùng bằng khí E.O hoặc tương đương. - KT: 0.30 x 30mm - HSD: ≥ 12 Tháng

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
35.	Kim châm cứu số 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kim châm cứu vô trùng cán bạc hoặc tương đương - Thân kim làm từ thép không gỉ. - Kết cấu giữa cán kim và thân kim kết dính chặt chẽ mang cảm giác an toàn cho người sử dụng. - Tiệt trùng bằng khí E.O hoặc tương đương. - KT: 0.30 x 50mm - HSD: \geq 12 Tháng
36.	Kim cấy chỉ ($\text{Ø}0.8 \times 63\text{mm}$)	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đường kính thân kim $\text{Ø}0.8\text{mm}$ - Chiều dài: 63mm - Chỉ phù hợp: Thường tương thích với chỉ Catgut cỡ 3.0. - Chất liệu & Tiêu chuẩn: Thép không gỉ, sắc bén, vô trùng, an toàn khi sử dụng và thường được sử dụng một lần. - HSD: \geq 12 Tháng
Nhóm 5. Dây truyền, dây dẫn		
37.	Khóa 3 ngã có dây dài 25cm (truyền dịch)	<ul style="list-style-type: none"> - Có dây dài 25cm - Vật liệu polyamide hoặc tương đương - Chống nứt gãy & chịu áp lực cao - Dây nối có đường kính trong 3 mm và đường kính ngoài 4.1 mm - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch - Có thể chịu được áp lực \geq 2 bar - Không chứa các chất phụ gia - HSD: \geq 12 Tháng
38.	Mask oxy nồng độ cao có túi người lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Được sản xuất từ nhựa PVC y tế. Mask có dây treo đàn hồi, kẹp mũi có thể điều chỉnh - Đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - HSD: \geq 12 Tháng
39.	Mask oxy nồng độ cao có túi trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Mask làm từ nhựa PVC y tế. Có túi hơi dùng để dự trữ oxy, ống hơi được mở an toàn, mask có dây đeo đàn hồi, kẹp mũi có thể điều chỉnh. Mask oxy có túi cung cấp nồng độ oxy cao với ống nối. - HSD: \geq 12 Tháng
Nhóm 6. Túi, lọ và vật tư bao gói khác		
40.	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 75mm x 200m	<ul style="list-style-type: none"> - Túi hấp tiệt trùng gồm 1 lớp giấy và một lớp phim (Green/Blue) trong suốt được ép dính bằng mép hàn dọc biên hoặc tương đương - Kích thước: 75mm x 200m - Lớp phim được cấu tạo bởi chất liệu composite đa lớp mềm mại (PETP/PP) dày \geq 52 micron. - Lớp giấy dày \geq 70gr và phim với chất liệu 100% cellulose kết hợp với chất chống thấm để không thấm nước, không mùi, không độc, không xơ sợi, thân thiện với

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		môi trường. - HSD: ≥ 12 Tháng
41.	Túi cuộn tiết trùng loại đẹp 150mm x 200m	- Túi hấp tiết trùng gồm 1 lớp giấy và một lớp phim (Green/Blue) trong suốt được ép dính bằng mép hàn dọc biên. - Kích thước: 150mm x 200m - Lớp phim được cấu tạo bởi chất liệu composite đa lớp mềm mại (PETP/PP) dày ≥ 52 micron. - Lớp giấy dày ≥ 70 gr và phim với chất liệu 100% cellulose kết hợp với chất chống thấm để không thấm nước, không mùi, không độc, không xơ sợi, thân thiện với môi trường. - HSD: ≥ 12 Tháng
42.	Túi cuộn tiết trùng loại phòng 150mm x 100m	- Túi hấp tiết trùng gồm 1 lớp giấy và một lớp phim (Green/Blue) trong suốt được ép dính bằng mép hàn dọc biên hoặc tương đương - Kích thước: 150mm x 100m - Lớp phim được cấu tạo bởi chất liệu composite đa lớp mềm mại (PETP/PP) dày ≥ 52 micron. - Lớp giấy dày ≥ 70 gr và phim với chất liệu 100% cellulose kết hợp với chất chống thấm để không thấm nước, không mùi, không độc, không xơ sợi, thân thiện với môi trường. - HSD: ≥ 12 Tháng
43.	Túi cuộn tiết trùng loại phòng 250mmx100m	- Túi hấp tiết trùng gồm 1 lớp giấy và một lớp phim (Green/Blue) trong suốt được ép dính bằng mép hàn dọc biên hoặc tương đương - Kích thước: 250mmx100m - Lớp phim được cấu tạo bởi chất liệu composite đa lớp mềm mại (PETP/PP) dày ≥ 52 micron. - Lớp giấy dày ≥ 70 gr và phim với chất liệu 100% cellulose kết hợp với chất chống thấm để không thấm nước, không mùi, không độc, không xơ sợi, thân thiện với môi trường. - HSD: ≥ 12 Tháng
44.	Túi cuộn tiết trùng loại phòng 300mmx100m	- Túi hấp tiết trùng gồm 1 lớp giấy và một lớp phim (Green/Blue) trong suốt được ép dính bằng mép hàn dọc biên hoặc tương đương - Kích thước: 300mmx100m - Lớp phim được cấu tạo bởi chất liệu composite đa lớp mềm mại (PETP/PP) dày ≥ 52 micron. - Lớp giấy dày ≥ 70 gr và phim với chất liệu 100% cellulose kết hợp với chất chống thấm để không thấm nước, không mùi, không độc, không xơ sợi, thân thiện với môi trường. - HSD: ≥ 12 Tháng
45.	Giấy đóng gói thuốc cuộn	- Màng PET dai bền, chịu lực, chịu nhiệt tốt, chắn ánh sáng, cản hơi ẩm qua đó sản phẩm được bảo vệ một cách

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		<p>tốt nhất, hơn nữa màng PET là màng dễ in, lên màu đẹp, sắc nét hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: $\geq 400\text{m}$/cuộn. Chiều rộng: $\geq 10\text{cm}$ - Quy cách: Gói / cuộn hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
46.	Hộp nhựa đựng bơm tiêm thải 1,5lít	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích phù hợp: 1,5 lít * Chất liệu an toàn: <ul style="list-style-type: none"> - Được làm từ nhựa HDPE (High-Density Polyethylene) cao cấp, có khả năng chống đâm thủng và chịu va đập tốt. - Đảm bảo không rò rỉ và không gây phản ứng hóa học với các chất thải y tế. * Thiết kế: <ul style="list-style-type: none"> - Nắp đậy kín, có khóa an toàn để ngăn ngừa việc mở nắp ngoài ý muốn. - Có vạch báo mức đầy, giúp người dùng dễ dàng kiểm soát lượng chất thải. - Có hom ngăn tràn an toàn. - HSD: Không HSD
47.	Hộp nhựa đựng bơm tiêm thải 6,8 lít	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích phù hợp: 6,8 lít * Chất liệu an toàn: <ul style="list-style-type: none"> - Được làm từ nhựa HDPE (High-Density Polyethylene) cao cấp, có khả năng chống đâm thủng và chịu va đập tốt. - Đảm bảo không rò rỉ và không gây phản ứng hóa học với các chất thải y tế. * Thiết kế: <ul style="list-style-type: none"> - Nắp đậy kín, có khóa an toàn để ngăn ngừa việc mở nắp ngoài ý muốn. - Có vạch báo mức đầy, giúp người dùng dễ dàng kiểm soát lượng chất thải. - Có hom ngăn tràn an toàn. - HSD: Không HSD
Nhóm 7. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter		
48.	Ống Nội khí quản có bóng số 7	<ul style="list-style-type: none"> - Được làm từ PVC không độc hại, trong suốt, mềm và mịn, loại có bóng chèn. - Bóng chèn tiêu chuẩn có khối lượng lớn áp suất thấp, phù hợp với việc đặt nội khí quản ngắn hạn. có sẵn mắt Murphy. - Có đường cảm quang xuyên suốt ống - Chiều dài đầu nối: 15mm - Thiết kế ống kết hợp một đường cong Magill và có một đường cảm quang để hỗ trợ hình ảnh chụp X quang - Ống đặt nội khí quản có bóng chèn bao gồm ống, bóng chèn, đường truyền, van, bóng dẫn Pilot và đầu nối - 100% không có cao su. - Mắt Murphy tròn mềm hơn, ít xâm lấn hơn. Đầu vát tròn mềm chống chấn thương - Sản phẩm tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		- HSD: ≥ 12 Tháng
49.	Ống Nội khí quản có bóng số 7.5	<ul style="list-style-type: none"> - Được làm từ PVC không độc hại, trong suốt, mềm và mịn, loại có bóng chèn. - Bóng chèn tiêu chuẩn có khối lượng lớn áp suất thấp, phù hợp với việc đặt nội khí quản ngắn hạn. có sẵn mắt Murphy. - Có đường cảm quang xuyên suốt ống - Chiều dài đầu nối: 15mm - Thiết kế ống kết hợp một đường cong Magill và có một đường cảm quang để hỗ trợ hình ảnh chụp X quang - Ống đặt nội khí quản có bóng chèn bao gồm ống, bóng chèn, đường truyền, van, bóng dẫn Pilot và đầu nối - 100% không có cao su. - Mắt Murphy tròn mềm hơn, ít xâm lấn hơn. Đầu vát tròn mềm chống chấn thương - Sản phẩm tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
50.	Ống Nội khí quản có bóng số 8	<ul style="list-style-type: none"> - Được làm từ PVC không độc hại, trong suốt, mềm và mịn, loại có bóng chèn. - Bóng chèn tiêu chuẩn có khối lượng lớn áp suất thấp, phù hợp với việc đặt nội khí quản ngắn hạn. có sẵn mắt Murphy. - Có đường cảm quang xuyên suốt ống - Chiều dài đầu nối: 15mm - Thiết kế ống kết hợp một đường cong Magill và có một đường cảm quang để hỗ trợ hình ảnh chụp X quang - Ống đặt nội khí quản có bóng chèn bao gồm ống, bóng chèn, đường truyền, van, bóng dẫn Pilot và đầu nối - 100% không có cao su. - Mắt Murphy tròn mềm hơn, ít xâm lấn hơn. Đầu vát tròn mềm chống chấn thương - Sản phẩm tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
51.	Ống thổi dùng cho máy đo nồng độ cồn ALP-1	<ul style="list-style-type: none"> - Ống có độ dài vừa phải để đảm bảo không có hơi ẩm hoặc nước bọt lọt vào máy. - Thiết kế đường ống đơn giản, không có van khóa. - Chất liệu bằng nhựa PP 100%, không độc hại cho người sử dụng. - Thiết kế: Đầu tròn ~ 1.3cm, đuôi vuông ~ 0.7cm, chiều dài ~ 10cm - HSD: Không HSD

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
52.	Thông tiêu NELATON	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Nhựa PVC y tế không chứa DEHP hoặc cao su tự nhiên, bề mặt trơn láng, mềm mại, hạn chế tối đa chấn thương niệu đạo. - Thiết kế: Đầu tròn bo kín với các mắt bên được đánh bóng, giúp dẫn lưu hiệu quả và dễ đưa vào. - Màu sắc: Màu sắc ở đuôi ống giúp phân biệt kích thước (size). - Sử dụng: Chỉ sử dụng một lần, tiệt trùng bằng EO - HSD: ≥ 12 Tháng
Nhóm 8. Chỉ khâu		
53.	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền 4/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền, được làm từ một dạng protein hữu cơ - chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon hoặc tương đương - Kích thước: 75cm 1/2 CR 26 - Chỉ được nhuộm màu đen (Logwood extract) hoặc không nhuộm (trắng) hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
54.	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền 3/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền, được làm từ một dạng protein hữu cơ - chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon hoặc tương đương - Kích thước: 75cm 1/2 CT 26 - Chỉ được nhuộm màu đen (Logwood extract) hoặc không nhuộm (trắng) hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
55.	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đơn sợi tự tiêu nhanh 3/0	<ul style="list-style-type: none"> - Được cấu thành từ 75% glycolide và 25% epsilon-caprolactone hoặc tương đương - Số: 3/0 - Chỉ được nhuộm màu tím (FDA D&C Violet No. 2 - CI 60725) hoặc không nhuộm (Undyed). - HSD: ≥ 12 Tháng
56.	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 2.0 liền kim tam giác	<ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ chỉ: 2/0 - Loại chỉ: Nylon (Polyamide) - Màu sắc: Xanh dương hoặc Đen. - Chiều dài chỉ: 75 cm hoặc 45 cm - Loại kim: Kim tam giác (Reverse Cutting) - 3/8 vòng tròn. - Chiều dài kim: 26 mm hoặc 30 mm - Tiệt trùng: Khí Ethylene Oxide (EO). - Quy cách: 24 tép/hộp - HSD: ≥ 12 Tháng
57.	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 3.0 liền kim tam giác	<ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ chỉ: 3/0 - Loại chỉ: Nylon (Polyamide) - Màu sắc: Xanh dương hoặc Đen. - Chiều dài chỉ: 75 cm hoặc 45 cm - Loại kim: Kim tam giác (Reverse Cutting) - 3/8 vòng

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		tròn. - Chiều dài kim: 20 mm hoặc 26 mm - Tiệt trùng: Khí Ethylene Oxide (EO). - Quy cách: 24 tép/hộp - HSD: ≥ 12 Tháng
58.	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 4.0 liên kim tam giác	- Kích cỡ chỉ: 4/0 - Loại chỉ: Nylon (Polyamide) - Màu sắc: Xanh dương hoặc Đen. - Chiều dài chỉ: 75 cm hoặc 45 cm - Loại kim: Kim tam giác (Reverse Cutting) - 3/8 vòng tròn. - Chiều dài kim: 16 mm hoặc 18 mm - Tiệt trùng: Khí Ethylene Oxide (EO). - Quy cách: 24 tép/hộp - HSD: ≥ 12 Tháng
Nhóm 9: Dao, kéo và panh phẫu thuật		
59.	Cán dao số 3	- Chất liệu: Thép không gỉ y tế cao cấp, có khả năng chống ăn mòn và chịu được nhiệt độ cao khi hấp tiệt trùng. - Chiều dài: Khoảng 12cm - 12.5cm. - Thiết kế: Thân cán dẹt, có các khía ngang hoặc vân nhám ở phần tay cầm để chống trượt, giúp phẫu thuật viên cầm nắm chắc chắn. - Đầu lắp lưỡi: Có rãnh khớp tiêu chuẩn để cố định lưỡi dao, đảm bảo không bị rung lắc khi thao tác. - Lưỡi dao sử dụng số 10, 11, 12, 12d, 13, 14, 15, 15c - Tiệt trùng: Chịu được nhiệt độ cao (121°C - 134°C) trong nồi hấp Autoclave mà không bị gỉ sét hay kẹt khớp. - Tiêu chuẩn: Đạt chứng nhận ISO 13485, CE hoặc tương đương - HSD: Không HSD
60.	Chén Inox	- Chất liệu: Inox 304 (thép không gỉ 18/10) chống ăn mòn tốt, không gỉ sét và không phản ứng với thực phẩm hay hóa chất y tế. - Kích thước (Đường kính): 8cm - 10cm (dùng đựng bông băng, còn trong y tế) - Độ dày: Thường từ 0.6mm đến 0.8mm. - Tiệt trùng: Chịu được nhiệt độ cao (121°C - 134°C) trong nồi hấp Autoclave mà không bị gỉ sét hay kẹt khớp. - Không HSD
61.	Hộp Inox đựng bông (7,5x6cm)	- Kích thước: Đường kính 7.5cm, Chiều cao 6cm (sai số cho phép khoảng ± 0.5 cm). - Cấu tạo: Gồm thân hộp hình trụ và nắp đậy. Nắp thường có thiết kế núm cầm chắc chắn để dễ dàng đóng mở bằng một tay hoặc dùng panh gấp. - Chất liệu: Inox 304 (thép không gỉ) cao cấp, chống gỉ sét khi tiếp xúc với cồn, oxy già hoặc nước muối sinh lý.

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		<ul style="list-style-type: none"> - Tiệt trùng: Chịu được nhiệt độ cao (121°C - 134°C) trong nồi hấp Autoclave mà không bị gỉ sét hay kẹt khớp. - Độ dày: từ 0.5mm đến 0.6mm - Không HSD
62.	Hộp inox đựng dụng cụ tiểu phẫu	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 18 x 8 x 4 cm - Chất liệu: Bắt buộc là Inox 304 (thép không gỉ cao cấp). giúp hộp không bị oxy hóa, không gỉ sét khi tiếp xúc với máu, dịch cơ thể hoặc các hóa chất sát khuẩn mạnh. - Độ dày: từ 0.6mm đến 0.8mm. - Tiệt trùng: Chịu được nhiệt độ cao (121°C - 134°C) trong nồi hấp Autoclave mà không bị gỉ sét hay kẹt khớp. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Không HSD
63.	Kéo cắt băng 18cm	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: Tổng chiều dài khoảng 18cm (7 inch) - Chất liệu: Inox 304 hoặc thép không gỉ y tế cao cấp (Stainless Steel). - Tiệt trùng: Chịu được nhiệt độ cao (121°C - 134°C) trong nồi hấp Autoclave mà không bị gỉ sét hay kẹt khớp. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Không HSD
64.	Kéo thẳng nhọn 16cm	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: Chiều dài tổng thể 16cm - Chất liệu: Inox 304 hoặc thép không gỉ y tế cao cấp (Stainless Steel). - Tiệt trùng: Chịu được nhiệt độ cao (121°C - 134°C) trong nồi hấp Autoclave mà không bị gỉ sét hay kẹt khớp. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Không HSD
65.	Kéo thẳng tù 16cm	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: Chiều dài tổng thể 16cm - Chất liệu: Inox 304 hoặc thép không gỉ y tế cao cấp (Stainless Steel). - Tiệt trùng: Chịu được nhiệt độ cao (121°C - 134°C) trong nồi hấp Autoclave mà không bị gỉ sét hay kẹt khớp. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Không HSD
66.	Khay quả đậu Trung	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 20cm x 10cm x 3cm hoặc 21cm x 11cm x 3.5cm - Chất liệu: Inox 304 (thép không gỉ) cao cấp - Tiệt trùng: Chịu được nhiệt độ cao (121°C - 134°C) trong nồi hấp Autoclave mà không bị gỉ sét hay kẹt khớp. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Không HSD
67.	Kim Kelly 16cm cong	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Inox 304 hoặc thép không gỉ y tế (Stainless Steel) cao cấp.

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: 16cm (khoảng 6.3 inch) - Tiệt trùng: Chịu được nhiệt độ cao (121°C - 134°C) trong nồi hấp Autoclave mà không bị gỉ sét hay kẹt khớp. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Không HSD
68.	Kìm Kocher có mẫu 16cm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Inox 304 hoặc thép không gỉ y tế (Stainless Steel) cao cấp. - Chiều dài: 16cm (khoảng 6.3 inch) - Tiệt trùng: Chịu được nhiệt độ cao (121°C - 134°C) trong nồi hấp Autoclave mà không bị gỉ sét hay kẹt khớp. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Không HSD
69.	Lưỡi dao mổ (số 10)	<ul style="list-style-type: none"> - Được sản xuất bằng thép không gỉ hoặc tương đương - Các lưỡi dao được gói riêng lẻ và bịt kín trong giấy nhôm - Được tiệt trùng bằng tia gamma hoặc tương đương - Số: 10 - Xuất xứ: nhóm nước G7 hoặc EU. - HSD: \geq 12 Tháng
70.	Lưỡi dao mổ (số 11)	<ul style="list-style-type: none"> - Được sản xuất bằng thép không gỉ hoặc tương đương - Các lưỡi dao được gói riêng lẻ và bịt kín trong giấy nhôm - Được tiệt trùng bằng tia gamma hoặc tương đương - Số: 11 - Xuất xứ: nhóm nước G7 hoặc EU. - HSD: \geq 12 Tháng
Nhóm 10. Lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp		
71.	Lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp	<ul style="list-style-type: none"> - Lọc tĩnh điện, ky nước PFT hoặc tương đương - Hiệu suất lọc vi khuẩn, vi rút >99.99%. - Đường kính trong đầu cắm vào máy: 45.5 mm - Đường kính ngoài đầu cắm vào máy: 48 mm - Đường kính ngoài đầu cắm vào bệnh nhân: 29.5 mm - Trở kháng: \geq12 pa tại 30 lít / phút - Có đầu ngậm. - Lọc khuẩn phù hợp với thiết bị máy đo hô hấp, model: Koko, hãng sản xuất: KoKo, LLC - Quy cách: Gói / Cái hoặc tương đương - HSD: \geq 12 Tháng
Nhóm 11. Chấn thương, chỉnh hình		
72.	Băng bột bó xương 10cm x 2.7m	<ul style="list-style-type: none"> - Công dụng: hỗ trợ đặc lực cho bệnh nhân khi bị gãy xương. - Nguyên liệu: bông với thạch cao pha lỏng, phủ đều phần gạc - Màu sắc: trắng. Thời gian kết đông: 3-5 phút.

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách đóng gói 10cm x ≥2.7m - HSD: ≥ 12 Tháng
73.	Nẹp chống cổ cao - cứng (Đai cổ cứng)	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu khung: Làm bằng nhựa xốp cao cấp (Plastazote) hoặc nhựa Polyethylene mật độ thấp. Đặc tính là nhẹ, không thấm nước, không gây kích ứng da và cho phép tia X xuyên qua (để bệnh nhân chụp X-quang hoặc CT mà không cần tháo nẹp). - Khóa dán: Dây đai Velcro bản lớn, độ bám dính cực mạnh, đảm bảo nẹp không bị xô dịch khi bệnh nhân cử động thân mình. - Độ bền: Vật liệu không bị biến dạng dưới tác động của nhiệt độ cơ thể và dễ dàng vệ sinh bằng xà phòng nhẹ. - Kích thước (Size): tùy vào nhu cầu thực tế đặt hàng - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: Không HSD.
74.	Nẹp nhựa chống xoay cổ chân phải	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Khung làm bằng nhựa PP (Polypropylene) cứng cáp, chịu lực tốt. - Lớp lót: Vải dệt kim hoặc mút xốp êm ái, có thể tháo rời để giặt sạch. <p>Cấu tạo đặc biệt: Có một thanh ngang nhựa gắn ở gót chân (có thể điều chỉnh hoặc cố định) để ngăn bàn chân đổ sang hai bên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống dây đai: 3-4 dây đai nhám dính (Velcro) giúp siết chặt bắp chân, cổ chân và bàn chân.. - Kích thước (Size): tùy vào nhu cầu thực tế đặt hàng - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: Không HSD
75.	Nẹp nhựa chống xoay cổ chân trái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Khung làm bằng nhựa PP (Polypropylene) cứng cáp, chịu lực tốt. - Lớp lót: Vải dệt kim hoặc mút xốp êm ái, có thể tháo rời để giặt sạch. <p>Cấu tạo đặc biệt: Có một thanh ngang nhựa gắn ở gót chân (có thể điều chỉnh hoặc cố định) để ngăn bàn chân đổ sang hai bên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống dây đai: 3-4 dây đai nhám dính (Velcro) giúp siết chặt bắp chân, cổ chân và bàn chân.. - Kích thước (Size): tùy vào nhu cầu thực tế đặt hàng - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: Không HSD
76.	Nẹp vải căng tay phải	<ul style="list-style-type: none"> - Vải chính: Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí hoặc vải cao lông tạo cảm giác êm ái. - Thanh định hình: Lõi là các thanh hợp kim nhôm dẻo có thể uốn theo đường cong sinh lý của cẳng tay và cổ tay để tăng hiệu quả cố định. - Hệ thống khóa: Sử dụng các dây đai nhám dính (Velcro)

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		bản lớn giúp điều chỉnh độ chặt dễ dàng. - Kích thước (Size): tùy vào nhu cầu thực tế đặt hàng - Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: Không HSD
77.	Nẹp vải căng tay trái	- Vải chính: Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí hoặc vải cao lông tạo cảm giác êm ái. - Thanh định hình: Lõi là các thanh hợp kim nhôm dẻo có thể uốn theo đường cong sinh lý của cẳng tay và cổ tay để tăng hiệu quả cố định. - Hệ thống khóa: Sử dụng các dây đai nhám dính (Velcro) bản lớn giúp điều chỉnh độ chặt dễ dàng. - Kích thước (Size): tùy vào nhu cầu thực tế đặt hàng - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: Không HSD
Nhóm 12. Chẩn đoán chức năng		
78.	Thùng lọng cắt polyp độ mở 25mm	Thùng lọng cắt polyp. - Dạng oval - Đường kính thùng lọng khi mở: 25mm - Đường kính vỏ ngoài: 2.35 mm - Chiều dài làm việc: 2300mm - Loại dây sợi bện - Tích hợp tay cầm xoay được 360° - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ 2.8 mm - HSD: 36 Tháng - Xuất xứ: G7 - Model: NOE342216-G hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
79.	Thùng lọng cắt polyp độ mở 20mm	Thùng lọng cắt polyp. - Dạng oval tip. - Đường kính thùng lọng khi mở: 20mm - Chiều dài catheter: 2400mm. - Có thể xoay được 30 độ. - HSD: 36 Tháng - Xuất xứ: G20 - Model: EMPS-20-04-20 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
80.	Thùng lọng cắt polyp độ mở 15mm	Thùng lọng cắt polyp. - Dạng oval - Đường kính thùng lọng khi mở: 15mm - Đường kính vỏ ngoài: 2.35 mm - Chiều dài làm việc: 2300mm - Loại dây sợi bện - Tích hợp tay cầm xoay được 360° - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ 2.8 mm - HSD: 36 Tháng

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: G7 - Model: NOE342214-G hoặc tương đương - HSD: \geq 12 Tháng
81.	Thùng lọng cắt polyp độ mở 10mm	<p>Thùng lọng cắt polyp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạng oval - Đường kính thùng lọng khi mở: 10mm - Đường kính vỏ ngoài: 2.35 mm - Chiều dài làm việc: 2300mm - Loại dây sợi bền - Tích hợp tay cầm xoay được 360° - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ 2.8 mm - HSD: 36 Tháng - Xuất xứ: G7 - Model: NOE342213-G hoặc tương đương - HSD: \geq 12 Tháng
82.	Dụng cụ thắt polyp sử dụng một lần	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính loop 30mm - Đường kính kênh dụng cụ 2.8mm - Dùng thắt polyp trước khi cắt polyp ngăn chặn chảy máu sau khi cắt polyp. - Quy cách: 5 cái/hộp - Loại dùng 01 lần - HSD: \geq 12 Tháng
83.	Chổi làm sạch kênh nội soi dùng một lần (Chổi dài)	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để vệ sinh kênh dụng cụ của ống nội soi mềm trong quy trình tái xử lý - Cấu tạo: <ul style="list-style-type: none"> • Dạng dây mềm, luồn được toàn bộ chiều dài kênh soi • Có \geq 2 đầu chổi trên cùng một dây (loại kết hợp) • Đầu xa có đầu bảo vệ (tip) bằng nhựa tránh gây trầy xước kênh - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> • Chiều dài tổng: \geq 2200 mm • Đường kính chổi phù hợp kênh nội soi: từ 2.0 mm đến 4.2 mm - Tương thích với ống nội soi Olympus. - Model: BW-412T hoặc tương đương - HSD: Không HSD
84.	Ống bơm rửa kênh nội soi	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong quy trình làm sạch và tái xử lý ống nội soi mềm, bơm dung dịch làm sạch/khử khuẩn vào các kênh nội soi - Cổng kết nối bơm tiêm (\geq 30 ml) để bơm dung dịch - Đầu nối tương thích với nội soi Olympus - Lưới lọc (mesh filter) giúp ngăn chặn bắn, hạn chế tắc nghẽn - Model: MH-946 Hoặc tương đương - HSD: Không HSD
85.	Van khí/nước nội soi	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để điều khiển phun nước và cấp khí trong quá trình nội soi, giúp làm sạch đầu soi và duy trì tầm nhìn

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		<p>trong thủ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạng nút bấm. - Cấu trúc gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Thân van • Lò xo và cơ chế đàn hồi • Gioăng kín chống rò rỉ -Thiết kế: <ul style="list-style-type: none"> • Lắp/tháo nhanh • Kín, không rò khí/nước - Điều khiển chính xác lưu lượng khí và nước. - Tương thích với nội soi Olympus - Model: MH-438 Hoặc tương đương - HSD: Không HSD
86.	Clotest	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường chuyên biệt dạng gel chứa trong giếng của một bảng nhựa, dùng để phát hiện nhanh vi khuẩn H.pylori có trong bệnh phẩm hoặc môi trường nuôi cấy Bảng nhựa được làm bằng PS, màu trắng trong, Bảng nhựa có kích thước bề mặt 50×20mm. Chiều cao của bảng nhựa 15mm. Ngay giữa bảng nhựa có giếng với đường kính 6mm và chiều cao của giếng 10mm. hoặc tương đương - Kết quả (+): trong giếng gel có màu đỏ cánh sen trong vòng 1 giờ đối với bệnh phẩm nội soi dạ dày và trong vòng 1 phút vi khuẩn trên môi trường nuôi cấy - Kết quả (-): Trong giếng gel không có sự đổi màu Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 đến 8 độ C, Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 - HSD: ≥ 3 Tháng
Nhóm 13. Chẩn đoán hình ảnh		
87.	Gel siêu âm	<ul style="list-style-type: none"> - Được sản xuất với nước có tia UV. - Màu sắc: Gel xanh hoặc Gel trắng - Dựa trên công thức kiểm vi khuẩn và giảm dị ứng - Công nghệ hiện đại giúp trượt doppler dễ dàng Có độ dẫn, ít mỡ và không nhuộm màu - Không chứa cồn, muối và hòa tan trong nước - Phân bố rộng đồng đều, không cần làm khô - Có tính năng trượt và bôi trơn hoàn hảo, Giảm thiểu nguy cơ nhiễm khuẩn - Dung tích: Can 5 lít - Có sẵn loại chai 250ml vào bình 5 lít - Xuất xứ: nhóm nước G7 hoặc EU. - HSD: ≥ 12 Tháng
88.	Giấy in siêu âm đen trắng SONY 11cm hoặc tương đương	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng bản in: ≥ 215 bản - Kích thước: 110 mm x 20 m - Xuất xứ: nhóm nước G7 hoặc EU. - Quy cách: Gói / Cuộn hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
Nhóm 14. Xét nghiệm		
89.	Que thử đường huyết	<ul style="list-style-type: none"> - Loại máy phù hợp: On-call Plus - Khoảng đo: 1.1-33.3 mmol/L (20-600mg/dL) - Lượng mẫu máu: 1.0μL - Quy cách: Hộp / 25 cái - HSD: ≥ 12 Tháng
90.	Formol	<ul style="list-style-type: none"> - Độ đậm trung tính 10% - Quy cách: can/ 3.8 lít - HSD: ≥ 12 Tháng
91.	Que test thử thai nhanh	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để kiểm tra thai nhanh (phát hiện nồng độ hCG). - Độ nhạy ≤ 25 mIU/mL - Độ chính xác ≥ 99% - Thời gian đọc kết quả ≤ 5 phút - Có vạch kiểm soát (Control line) - Dạng sử dụng đơn giản, dạng que. - Model: Quickstick hoặc tương đương - HSD: ≥ 6 Tháng
Nhóm 15. Kiểm soát nhiễm khuẩn		
92.	Bowie dick (Test thử lò hấp)	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để kiểm tra chất lượng hút chân không của lò tiệt khuẩn hơi nước nhiệt độ cao có hút chân không, chu trình 132°C-134°C x 4 phút. - Kích thước: 12-14cm x 11-13cm - HSD: ≥ 12 Tháng
Nhóm 16. Điện tim		
93.	Giấy điện tim 1 cuộn 50mm x 30m	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Khổ rộng 50mm, chiều dài cuộn 30m. - Dạng đóng gói: Dạng cuộn (Roll). Thường đóng gói 10 cuộn/lốc hoặc 50-100 cuộn/thùng. - Chất liệu: Giấy cảm nhiệt (Thermal paper) chất lượng cao, bề mặt phủ lớp bảo vệ đầu in. - Màu lưới: Lưới kẻ ô tiêu chuẩn màu đỏ hoặc hồng (ô lớn 5mm, ô nhỏ 1mm). - HSD: ≥ 12 Tháng
94.	Giấy đo điện tim cho Máy ECG-1250K/ NIHON KOHDEN (110x140 mm) (ko sọc)	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng cho máy đo nhịp tim 6 cần, tương thích với máy ECG Nihon Kohden - Kích thước 110mm x 140mm x 143sheet - Gấp chữ Z thẳng hàng - Giấy trắng không sọc, có dấu cảm biến chính xác - HSD: ≥ 12 Tháng
95.	Quả bóp cao su cho máy điện tim	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Cao su y tế hoặc Silicone cao cấp, có độ đàn hồi tốt và mềm mại để không gây khó chịu cho da bệnh nhân. - Cấu tạo: Gồm 2 phần chính: * Núm cao su: Dùng để bóp tạo lực hút chân không.

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		<p>* Để kim loại (Chuông): Thường làm bằng vật liệu dẫn điện tốt như thép không gỉ hoặc đồng mạ Niken/Bạc Clorua (Ag/AgCl) để truyền tín hiệu ổn định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Thường là màu Xanh dương (Blue) hoặc Xám - Quy cách đóng gói: Thường bán theo bộ 6 quả/hộp (tương ứng với 6 chuyển đạo trước tim). - HSD: Không HSD
96.	Gel đo điện tim ECG	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích: ≥ 250ml (Dạng chai nhựa bóp, có nắp bật tiện lợi). - Màu sắc: Xanh lơ trong suốt. - Độ pH: 5.5 - 7.0 (Trung tính, an toàn tuyệt đối cho da). - Độ nhớt: 80.000 – 100.000 CP (Đảm bảo độ bám dính tốt trên điện cực và da). - HSD: ≥ 12 Tháng
Nhóm 17. Đồ vải		
97.	Garo tay	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu dây: Vải thun co giãn cao cấp (thường là hỗn hợp Polyester và Spandex) mềm mại, không gây hằn đỏ hay đau rát da. - Chất liệu khóa: Nhựa ABS bền bỉ, thiết kế cơ chế khóa cài chắc chắn, dễ dàng đóng/mở bằng một tay. <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: Khoảng 40cm - 45cm - Chiều rộng: Khoảng 2.5cm. - Màu sắc: cam - HSD: Không HSD
98.	Săng mủ 50x50 cm, KHÔNG LỖ	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước tổng: 50 x 50 cm. <p>Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại dùng một lần: Vải không dệt (Non-woven) định lượng từ 25-40 gsm, có khả năng kháng khuẩn và chống thấm ngược. - Loại dùng nhiều lần: Vải cotton (Kaki hoặc lon) dày dặn, có thể hấp tiệt trùng nhiều lần. -Tiệt trùng bằng khí EO (Ethylene Oxide) và đóng gói riêng biệt từng cái - HSD: ≥ 12 Tháng
Nhóm 18. Vật tư dùng chung		
99.	Khẩu trang y tế 4 lớp	<p>Nguyên liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt ngoài là vải không dệt Olefin hoặc Polypropylen, không thấm nước; - Mặt trong là vải không dệt Olefin hoặc Polypropylen, không thấm nước; - Lớp giữa là vải lọc (Olefin hoặc Polypropylen) hoặc vải SMS, độ dày của vải: 20gram/m², không thấm nước; - Quy cách: 9,5cm x 17,5cm, 4 lớp; có gọng.

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
		<ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: xanh dương. Loại: không tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - HSD: ≥ 12 Tháng
100.	Găng phẫu thuật tiệt trùng số 6.5	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, thấm thấu được. Sản phẩm được sản xuất theo công nghệ chất lượng cao. Tiệt trùng bằng khí EO, tiệt trùng từng đôi một. Găng có tay phải tay trái riêng biệt, bền, không rách, không lủng, có viền mép, bề mặt nhám, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng. - Chiều dài (min): 280 mm. - Chiều dày 1 lớp: $0,15 \pm 0,03$ mm. - Chiều rộng: số 6.5: 83 ± 5 mm - Cường lực kéo đứt: trước già hóa $\geq 12.5N$; sau già hóa $\geq 9.5N$. - Độ dẫn dài: trước già hóa $\geq 700\%$, sau già hóa $\geq 550\%$. - HSD: ≥ 12 Tháng
101.	Găng phẫu thuật tiệt trùng 7,5	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, thấm thấu được. Sản phẩm được sản xuất theo công nghệ chất lượng cao. Tiệt trùng bằng khí EO, tiệt trùng từng đôi một. Găng có tay phải tay trái riêng biệt, bền, không rách, không lủng, có viền mép, bề mặt nhám, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng. - Chiều dài (min): 280 mm. - Chiều dày 1 lớp: $0,15 \pm 0,03$ mm. - Chiều rộng: số 7.5: 95 ± 5 mm. - Cường lực kéo đứt: trước già hóa $\geq 12.5N$; sau già hóa $\geq 9.5N$. - Độ dẫn dài: trước già hóa $\geq 700\%$, sau già hóa $\geq 550\%$. - HSD: ≥ 12 Tháng
102.	Găng y tế cổ tay dài	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, thấm thấu được, không gây kích ứng da, đàn hồi tốt. Chưa tiệt trùng. Không phân biệt tay trái tay phải, sử dụng được cho cả hai tay, bền, không rách, không lủng, có se viền mép, bề mặt trơn hoặc nhám, đầu ngón tay nhám, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng. - Chiều dài (min): 280 mm - Chiều dày 1 lớp (min): 0.08 mm. - Chiều rộng: size XS: 70 ± 10 mm; size S: 80 ± 10 mm; size M: 95 ± 10 mm; size L: 111 ± 10 mm; size XL: ≥ 110 mm. - Cường lực kéo đứt: Trước già hóa: $\geq 7N$, sau già hóa: $\geq 6N$. - Độ dẫn dài : Trước già hóa: $\geq 650\%$, sau già hóa: $\geq 500\%$. - Quy cách: Hộp/50 đôi - HSD: ≥ 12 Tháng
Nhóm 19. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác		

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA
103.	Bao cao su	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: *Polyisoprene: Loại cao su tổng hợp, mềm mại hơn Latex, không gây dị ứng. *Polyurethane: Nhựa tổng hợp siêu mỏng (như dòng Sagami 0.01/0.02), dẫn nhiệt tốt, không mùi và không gây dị ứng. - HSD: ≥ 12 Tháng
104.	Nhiệt kế thủy ngân	<ul style="list-style-type: none"> - Phần cảm nhận nhiệt độ: Là bầu đựng thủy ngân, có tác dụng nhận nhiệt từ môi trường cần đo, và dưới tác động của nguyên lý giãn nở của vật chất (cụ thể ở đây là thủy ngân), tùy mức nhiệt độ mà sự giãn nở của thủy ngân khác nhau. - Ống mao dẫn: Là cột dẫn thủy ngân giãn nở khi tiếp xúc với môi trường từ đó đo được nhiệt độ của môi trường - Phần hiển thị kết quả: Là các vạch số, dựa theo nguyên tắc giãn nở của thủy ngân mà từng độ cao của ống mao dẫn người ta vạch ra những mức nhiệt độ tương ứng. - HSD: Không HSD
105.	Vòng tránh thai	<ul style="list-style-type: none"> - Hình dáng: Khung nhựa hình chữ T, làm bằng nhựa Polyethylene. - Diện tích bề mặt đồng: Tổng cộng 380, Trong đó, sợi dây đồng quấn quanh thân là 314 và hai lá đồng bọc ở hai đầu thanh ngang là 33 mỗi bên. - Chất liệu bổ sung: Thân vòng có chứa Barium Sulfate (giúp cản quang), cho phép bác sĩ kiểm tra vị trí vòng qua X-quang hoặc siêu âm. - Dây lấy vòng: Có hai sợi dây nylon mảnh gắn ở chân chữ T, giúp việc kiểm tra và tháo vòng dễ dàng. - HSD: ≥ 12 Tháng

Tổng: 105 mục

Lưu ý:

- Khái niệm "tương đương": là có các đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng tương tự tự đối với kỹ thuật, hàng hóa nêu trên.

- Đối với các thông số cố định, có thể sai số $\pm 1\%$

4.3. Thời gian giao hàng:

- Giao thành 4 đợt trong vòng 8 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với danh mục và số lượng theo yêu cầu của Trung tâm Y tế. Thời gian giao hàng cho mỗi đợt trong vòng 15 ngày lịch kể từ ngày TTYT gửi công văn yêu cầu giao hàng.

4.4. Địa điểm giao hàng và trả bảo hành:

- **Địa điểm giao hàng:** Giao hàng tại Kho vật tư TT Y Tế Vietsovpetro (Số 02 Pasteur P. Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh)

- Điều kiện bảo hành:

+ Theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.

+ Bảo hành một đổi một nếu hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, lỗi của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp.

V. YÊU CẦU VỀ CHỨNG CHỈ HÀNG HÓA:

1. Đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa là vật tư y tế theo quy định:

- Cung cấp Chứng chỉ xuất xứ do Phòng công nghiệp thương mại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp đối với hàng nhập khẩu hoặc Giấy phép lưu hành sản phẩm được Bộ y tế cấp hoặc Giấy công bố phân loại thiết bị y tế của cơ quan có thẩm quyền cấp, một trong các bản sau: Bản gốc hoặc Bản sao y công chứng hoặc Bản sao y có xác nhận của nhà cung cấp hoặc Bản điện tử có đường dẫn để kiểm chứng.

- Cung cấp Chứng chỉ chất lượng, một trong các bản sau: Chứng chỉ phù hợp (Certificate of Compliance) hoặc Giấy chứng nhận kiểm nghiệm (Inspection Certificate) hoặc Giấy chứng nhận phân tích (Certificate of Analysis) hoặc Giấy chứng nhận ISO do nhà sản xuất cấp: Bản gốc hoặc Bản sao y công chứng hoặc Bản sao y có xác nhận của nhà cung cấp hoặc Bản điện tử có đường dẫn để kiểm chứng.

- Cung cấp Giấy bảo hành của Nhà cung cấp: Bản gốc.

- Các chứng chỉ thử nghiệm khác (nếu có).

2. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước hoặc hàng hóa thông thường quy định theo Điều 4, TT 05/2022/TT-BYT:

- Cung cấp Bản cam kết về nguồn gốc và chất lượng hàng hóa của Nhà cung cấp: Bản gốc

- Cung cấp Giấy bảo hành của Nhà cung cấp: Bản gốc.

- Các chứng chỉ thử nghiệm khác (nếu có).

VI. YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG:

- Trong quá trình giao nhận hàng hóa, nhà cung cấp phải đảm bảo đầy đủ trang bị lao động phù hợp cho nhân viên khi tiến hành công việc và tuân thủ nội quy, quy định của TT Y tế..

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VỀ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA VẬT TƯ VỚI ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT CỦA VIETSOVPETRO:

- Việc đánh giá sẽ được tiến hành với chào từng mục hàng hóa của Danh mục 4.1.

Những người soạn thảo ký:

TK. Khám bệnh: Signed by: Nguyễn Đức Cường
Date: 15/04/2026 22:10:20
Certified by: Vietsovpetro CA

TK. CC - TNT: Signed by: Nguyễn Quốc Bảo
Date: 15/04/2026 14:33:34
Certified by: Vietsovpetro CA

TK. CDHA - XN-NS: Signed by: Lê Chung
Date: 17/04/2026 16:15:33
Certified by: Vietsovpetro CA

TK. Y Tế Biên: Signed by: Phan Tất Thắng
Date: 15/04/2026 20:54:15
Certified by: Vietsovetro CA

TK. Đông Y - VLTL - OCA: Signed by: Đặng Việt Phương
Date: 15/04/2026 14:14:55
Certified by: Vietsovetro CA

TK. Liên Chuyên Khoa: Signed by: Trần Thị Thanh Thủy
Date: 16/04/2026 08:16:22
Certified by: Vietsovetro CA

Trưởng BP VTTB Signed by: Vũ Đức Hải
Date: 16/04/2026 07:26:38
Certified by: Vietsovetro CA

NV. Vật Tư Signed by: Trần Tiến Hùng
Date: 15/04/2026 14:10:27
Certified by: Vietsovetro CA

THỎA THUẬN
P. GIÁM ĐỐC

Signed by: Phạm Văn Bảy
Date: 19/04/2026 14:56:36
Certified by: Vietsovpetro CA

“PHÊ DUYỆT”
GIÁM ĐỐC

Signed by: Nguyễn Văn Hiệp
Date: 20/04/2026 07:38:07
Certified by: Vietsovpetro CA

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT
MUA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO DÙNG CHUNG ĐỢT 1 NĂM 2026

Đánh giá theo tiêu chí " Đạt " và " Không đạt "

STT	Tiêu chí/nội dung đánh giá	Nội dung chào hàng	Đánh giá “Đạt/Không đạt”	Lý do không đạt	Ghi chú
I	YÊU CẦU CHUNG				
1.1	Nhà thầu phải có giấy phép kinh doanh phù hợp theo quy định.	Có cung cấp và đáp ứng	Đạt		
		Không cung cấp hoặc cung cấp nhưng không đáp ứng	Không đạt		
1.2	Hàng hóa chưa qua sử dụng, mới 100%, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hạn sử dụng của hàng hóa của theo quy định tại mục IV được tính từ kể từ ngày giao hàng	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		
1.3	Nhà thầu cam kết thu hồi hoặc đổi trả hàng trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		



STT	Tiêu chí/nội dung đánh giá	Nội dung chào hàng	Đánh giá “Đạt/Không đạt”	Lý do không đạt	Ghi chú
1.4	Hạn sử dụng vật tư: Phải đáp ứng đúng với từng loại vật tư được nêu chi tiết tại mục IV	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		
1.5	Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ thông tin kỹ thuật và các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh như: thông tin sản phẩm (catalogue, brochure), dữ liệu kỹ thuật... dưới dạng văn bản phù hợp cho từng nội dung yêu cầu kỹ thuật của từng mặt hàng dự thầu	Có cung cấp và đáp ứng	Đạt		
		Không cung cấp hoặc cung cấp nhưng không đáp ứng	Không đạt		
1.6	Bảng danh mục hàng hóa chào về kỹ thuật phải có đầy đủ các cột thể hiện nội dung sau: Số thứ tự của hàng hóa dự thầu; Số thứ tự trong HSMT; Tên hàng hóa trong HSMT; Tên hàng hóa dự thầu; Đơn vị tính; Quy cách đóng gói; Ký mã hiệu sản phẩm; Hãng sản xuất; Nước sản xuất; Số lượng; Hạn sử dụng	Có cung cấp và đáp ứng	Đạt		
		Không cung cấp hoặc cung cấp nhưng không đáp ứng	Không đạt		
II	SỐ LƯỢNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT HÀNG HÓA VÀ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG				
2.1	Số lượng hàng hóa	Chào đủ số lượng của từng mục hàng hóa	Đạt		
		Không chào đủ số lượng của từng mục hàng hóa	Không đạt		
2.2	Yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Đạt		
		Không đạt yêu cầu kỹ thuật	không đạt		
2.3	Thời gian giao hàng	Có cam kết	Đạt		

STT	Tiêu chí/nội dung đánh giá	Nội dung chào hàng	Đánh giá “Đạt/Không đạt”	Lý do không đạt	Ghi chú
		Không cam kết	Không đạt		
2.4	Địa điểm giao hàng và trả bảo hành	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		
III	YÊU CẦU VỀ ĐÓNG GÓI VÀ CHỨNG CHỈ HÀNG HÓA				
3.1	Yêu cầu về đóng gói hàng hóa	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		
3.2	Yêu cầu về chứng chỉ hàng hóa	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		
IV	YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		

Phương pháp đánh giá:

- Hồ sơ phải đáp ứng đầy đủ tất cả các tiêu chí trên đây sẽ đạt về phần kỹ thuật nếu không đáp ứng một trong những yêu cầu trên là không đạt về kỹ thuật.

Những người soạn thảo ký:

Signed by: Nguyễn Đức Cường

Date: 15/04/2026 22:10:20

TK. Khám bệnh: Certified by: Vietsovetro CA

Signed by: Nguyễn Quốc Bảo

Date: 15/04/2026 14:33:34

TK. CC - TNT: Certified by: Vietsovetro CA

Signed by: Lê Chung

Date: 17/04/2026 16:15:33

TK. CDHA - XN-NS: Certified by: Vietsovetro CA

TK. Y Tế Biên: Signed by: Phan Tất Thắng
Date: 15/04/2026 20:54:15
Certified by: Vietsovpetro CA

TK. ĐY-PHCN-OXCA: Signed by: Đặng Việt Phương
Date: 15/04/2026 14:14:55
Certified by: Vietsovpetro CA

TK. Liên Chuyên Khoa: Signed by: Trần Thị Thanh Thủy
Date: 16/04/2026 08:16:22
Certified by: Vietsovpetro CA

Trưởng BP VTTB: Signed by: Vũ Đức Hải
Date: 16/04/2026 07:26:38
Certified by: Vietsovpetro CA

NV. Vật Tư: Signed by: Trần Tiến Hùng
Date: 15/04/2026 14:10:27
Certified by: Vietsovpetro CA

"THỎA THUẬN"
PHÓ GIÁM ĐỐC

Signed by: Phạm Văn Bảy
Date: 19/04/2026 14:56:36
Certified by: Vietsovpetro CA

"PHÊ DUYỆT"
GIÁM ĐỐC

Signed by: Nguyễn Văn Hiệp
Date: 20/04/2026 07:38:07
Certified by: Vietsovpetro CA

DANH MỤC SỐ LƯỢNG HÀNG HÓA

Đính kèm YCKT Mua vật tư y tế tiêu hao dùng chung đợt 1 năm 2026

STT	Tên VTTB/ dịch vụ Наименование МТР/услуг	ĐVT Ед. изм.	Số lượng đặt hàng Заявляе м. Кол- во	Ghi chú
Nhóm 1. Dung dịch sát khuẩn				
1	Nước Javel 11%	lít	90	
2	Dung dịch rửa dụng cụ sử dụng cho máy rửa khử khuẩn Belimed	CAN	5	
3	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	Can	100	
4	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	Lít	100	
5	Viên nén khử khuẩn	viên	1,200	
6	Dung dịch rửa tay nhanh	Chai	20	
Nhóm 2. Băng, băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương				
7	Bông vuông tiệt trùng	Gói	500	
8	Bông y tế 25g	Gói	500	
9	Bông cuộn không thấm nước y tế 1kg	Gói	12	
10	Băng cuộn hũ trùng 7cmx 5m	Cuộn	500	
11	Băng cuộn hũ trùng 10cm x 5m	Cuộn	500	
12	Băng cuộn hũ trùng 14cmx7m	Cuộn	700	
13	Băng dính lụa cuộn 1.25cm x 5m	Cuộn	100	
14	Băng dính lụa cuộn 5cm x 5m	Cuộn	42	
15	Băng keo vải cá nhân - медицинский лейкопластырь	Cái	48,960	
16	Băng thun 10cm x 4,5m - эластичный бинт	Cuộn	150	
17	Băng thun có keo cố định khớp 8cm x 4.5m	Cuộn	10	
18	Băng keo cuộn co giãn 15cmx10m	Cuộn	96	
19	Gạc lưới 10cmx10cm	Miếng	320	
20	Gạc bông đắp vết thương tiệt trùng 7cmx10cm	Gói	2,000	
21	Gạc y tế 10x10cm	Gói	500	
22	Gạc y tế 5 x 6,5cm	Gói	1,000	
Nhóm 3. Bơm tiêm, kim tiêm				
23	Bơm Karman 1 van	Bộ	3	
24	Bơm tiêm 1ml	Cái	9,000	



STT	Tên VTTB/ dịch vụ Наименование МТР/услуг	ĐVT Ед. изм.	Số lượng đặt hàng Заявляе м. Кол- во	Ghi chú
25	Bơm tiêm 3ml	Cái	25,200	
26	Bơm tiêm 10 ml	Cái	2,400	
27	Bơm tiêm nhựa 50 ml	Cái	300	
28	Kim cánh bướm G23	Cái	1,000	
29	Kim lấy thuốc số 18	Cái	1,000	
30	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G22	Cái	1,000	
31	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G24	Cái	150	
32	Kim tiêm vô trùng 22G	Cái	100	
Nhóm 4. Kim châm cứu				
33	Kim châm cứu số 3	Gói	500	
34	Kim châm cứu số 4	Gói	3,000	
35	Kim châm cứu số 5	Gói	1,000	
36	Kim cây chỉ (Ø0.8x63mm)	Cái	200	
Nhóm 5. Dây truyền, dây dẫn				
37	Khóa 3 ngã có dây dài 5cm (truyền dịch)	Cái	200	
38	Mask oxy nồng độ cao có túi người lớn	Cái	100	
39	Mask oxy nồng độ cao có túi trẻ em	Cái	100	
Nhóm 6. Túi, lọ và vật tư bao gói khác				
40	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 75mm x 200m	Cuộn	2	
41	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 150mm x 200m	Cuộn	2	
42	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 150mm x 100m	Cuộn	8	
43	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 250mmx100m	Cuộn	8	
44	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 300mmx100m	Cuộn	5	
45	Giấy đóng gói thuốc cuộn	Cuộn	5	
46	Hộp nhựa đựng bơm tiêm thải 1,5lít	Hộp	100	
47	Hộp nhựa đựng bơm tiêm thải 6,8 lít	Hộp	100	
Nhóm 7. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
48	Ống Nội khí quản có bóng số 7	Cái	10	
49	Ống Nội khí quản có bóng số 7.5	Cái	10	
50	Ống Nội khí quản có bóng số 8	Cái	10	
51	Ống thổi dùng cho máy đo nồng độ cồn ALP-1	Cái	100	
52	Thông tiểu NELATON	Cái	50	
Nhóm 8. Chỉ khâu				
53	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền 4/0	Tép	200	
54	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền 3/0	Tép	200	
55	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đơn sợi tự tiêu nhanh 3/0	Tép	30	
56	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 2.0 liền kim tam giác	Tép	288	
57	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 3.0 liền kim tam giác	Tép	480	

STT	Tên VTTB/ dịch vụ Наименование МТР/услуг	ĐVT Ед. изм.	Số lượng đặt hàng Заявляе м. Кол- во	Ghi chú
58	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi 4.0 liền kim tam giác	Tép	480	
Nhóm 9: Dao, kéo và panh phẫu thuật				
59	Cán dao số 3	Cái	20	
60	Chén Inox	Cái	10	
61	Hộp Inox đựng bông (7,5x6cm)	Hộp	12	
62	Hộp inox đựng dụng cụ tiểu phẫu	Hộp	10	
63	Kéo cắt băng 18cm	Cái	30	
64	Kéo thẳng nhọn 16cm	Cái	20	
65	Kéo thẳng tù 16cm	Cái	10	
66	Khay quả đậu Trung	Cái	10	
67	Kim Kelly 16cm cong	Cái	10	
68	Kim Kocher có máu 16cm	Cái	10	
69	Lưỡi dao mổ (số 10)	Cái	500	
70	Lưỡi dao mổ (số 11)	Cái	200	
Nhóm 10. Lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp				
71	Lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp	Cái	8,000	
Nhóm 11. Chấn thương, chỉnh hình				
72	Băng bột bó xương 10cm x 2.7m	Cuộn	120	
73	Nẹp chống cổ cao - cứng (Đai cổ cứng)	Cái	10	
74	Nẹp nhựa chống xoay cổ chân phải	Cái	10	
75	Nẹp nhựa chống xoay cổ chân trái	Cái	10	
76	Nẹp vải căng tay phải	Cái	20	
77	Nẹp vải căng tay trái	Cái	20	
Nhóm 12. Chẩn đoán chức năng				
78	Thùng lọng cắt polyp độ mở 25mm	Cái	5	
79	Thùng lọng cắt polyp độ mở 20mm	Cái	5	
80	Thùng lọng cắt polyp độ mở 15mm	Cái	5	
81	Thùng lọng cắt polyp độ mở 10mm	Cái	5	
82	Dụng cụ thắt polyp sử dụng một lần	Cái	5	
83	Chổi làm sạch kênh nội soi dùng một lần (Chổi dài)	Cái	50	
85	Ống bơm rửa kênh nội soi	Bộ	2	
84	Van khí/nước nội soi	Cái	2	
86	Clotest	Test	400	
Nhóm 13. Chẩn đoán hình ảnh				
87	Gel siêu âm	Lít	160	
88	Giấy in siêu âm đen trắng SONY 11cm hoặc tương đương	cuộn	200	
Nhóm 14. Xét nghiệm				
89	Que thử đường huyết	Hộp	100	
90	Formol	Can	5	

STT	Tên VTTB/ dịch vụ Наименование МТР/услуг	ĐVT Ед. изм.	Số lượng đặt hàng Заявляе м. Кол- во	Ghi chú
91	Que test thử thai nhanh	Cái	150	
Nhóm 15. Kiểm soát nhiễm khuẩn				
92	Bowie dick (Test thử lò hấp)	Hộp	1	
Nhóm 16. Điện tim				
93	Giấy điện tim 1 cần 50mm x 30m	Cuộn	20	
94	Giấy đo điện tim cho Máy ECG-1250K	Cuộn	420	
95	Quả bóp cao su cho máy điện tim	Cái	36	
96	Gel đo điện tim ECG	Lọ	10	
Nhóm 17. Đồ vải				
97	Garô tay	Cái	50	
98	Săng mủ 50x50 cm, KHÔNG LỖ	Cái	100	
Nhóm 18. Vật tư dùng chung				
99	Khẩu trang y tế 4 lớp	Cái	30,000	
100	Găng phẫu thuật tiệt trùng số 6.5	Đôi	300	
101	Găng phẫu thuật tiệt trùng 7,5	Đôi	600	
102	Găng y tế cổ tay dài	Đôi	30,000	
Nhóm 19. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
103	Bao cao su	Cái	1,200	
104	Nhiệt kế thủy ngân	Cái	24	
105	Vòng tránh thai	Cái	100	

Những người soạn thảo ký:

- TK. Khám bệnh Signed by: Nguyễn Đức Cường
Date: 15/04/2026 22:10:20
Certified by: Vietsovpetro CA
- TK. CC - TNT: Signed by: Nguyễn Quốc Bảo
Date: 15/04/2026 14:33:34
Certified by: Vietsovpetro CA
- TK. CDHA - XN-NS Signed by: Lê Chung
Date: 17/04/2026 16:15:33
Certified by: Vietsovpetro CA
- TK. Y tế biển Signed by: Phan Tất Thắng
Date: 15/04/2026 20:54:15
Certified by: Vietsovpetro CA
- TK. ĐY-PHCN-OXCA Signed by: Đặng Việt Phương
Date: 15/04/2026 14:14:55
Certified by: Vietsovpetro CA
- TK. Liên Chuyên Khoa Signed by: Trần Thị Thanh Thủy
Date: 16/04/2026 08:16:22
Certified by: Vietsovpetro CA
- Trưởng BP. VTTB Signed by: Vũ Đức Hải
Date: 16/04/2026 07:26:38
Certified by: Vietsovpetro CA
- KS. VTTB Signed by: Trần Tiến Hùng
Date: 15/04/2026 14:10:27
Certified by: Vietsovpetro CA